

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 675/2017/DS-PT

Ngày: 25/7/2017

Về việc “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Ông Lê Văn Nga**

Các Thẩm phán :

1/ Ông Trịnh Đắc Phú

2/ Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa vào các ngày 24, 25 tháng 7 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/DSPT ngày 20 tháng 7 năm 2016 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2015/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân Quận 3 bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1326/2017/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn:

1/ Bà NGUYỄN THỊ C, sinh năm 1924 (chết 06/05/2005).

Địa chỉ: 440B HBT, Phường T, Quận B, Tp. H.

2/ Bà NGUYỄN THỊ H, sinh năm 1925 (chết 05/03/2004).

Địa chỉ: 1B Lý C T, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H có các bà Trương Ngọc A sinh 1964, Trương Ngọc Á sinh 1966, Trương Hằng N sinh 1963.*

- *Các bà Trương Ngọc A, Trương Ngọc Á có bà Trương Hằng N đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 11/11/2008 và ngày 21/3/2013.*

3/ Ông VŨ M, sinh năm 1941 (chết ngày 30/6/2008)

Địa chỉ: 127/6B Tân T 02, Tân Hiệp, huyện H, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Vũ M có bà Huỳnh Thị Mỹ H sinh 1949, ông Vũ Phong sinh 1978, ông Vũ Phước sinh 1982 và trẻ Vũ P sinh 1990 (trẻ P có mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ H là người giám hộ).(có đơn xử vắng mặt)

4/ Bà TRƯƠNG NGỌC Á, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 1A Lý C T, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Có bà Trương Hằng N đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 23/4/2013.(Có mặt)

Bị đơn: **XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU**

(được chuyển đổi thành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN HẠT ĐIỀU LLQ)

Trụ sở: X LLQ, Quận M1, Thành phố H.

Có ông Nguyễn Ngọc Ch đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 19/5/2015.(Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà TRƯƠNG NGỌC A, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 441A HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Có bà Trương Hằng N đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 12/12/2008.(Có mặt)

2/ Bà TRƯƠNG HẰNG N, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 5A Lý C T, Phường T, Quận B, Thành phố H. *(Có mặt)*.

3/ Ông ĐÀO BÁ L, sinh năm 1946.

Địa chỉ: số nhà 28Ter M, phường Đ, Quận M0, Thành phố H.

(Vắng mặt)

4/ Bà TRỊNH THỊ MINH PH, sinh năm 1930.

5/ Ông BÙI HỒNG H, sinh năm 1963.

6/ Bà LÊ HƯƠNG J, sinh năm 1965.

7/ Trẻ BÙI MI, sinh ngày 30/10/2003.

8/ Ông BÙI HỒNG H1, sinh năm 1966.

9/ Bà LÊ NGUYỄN THUY V, sinh năm 1970.

10/ Trẻ BÙI LÊ BẢO NG, Sinh ngày 19/02/1998.

11/ Trẻ BÙI LÊ BẢO TR, Sinh ngày 17/11/2000.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trẻ Bùi MI có cha là ông Bùi Hồng H làm giám hộ; Trẻ Bùi Lê Bảo NG, trẻ Bùi Lê Bảo Tr có cha là Bùi Hồng HI làm giám hộ.

- Các ông (bà) Bùi Hồng H, Lê Hương J, Bùi Hồng HI, Lê Nguyễn Thụy V có bà Trịnh Thị Minh Ph là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 26/10/2013, ngày 10/02/2014 và ngày 03/3/2014 .(Có mặt)

12/ Ông HOÀNG PHÚC TH, sinh năm 1926.

13/ Bà VŨ THỊ N2, sinh năm 1932.

14/ Ông HOÀNG MẠNH T1, sinh năm 1960.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Bà Vũ Thị N2 và ông Hoàng Mạnh T1 có ông Hoàng Phúc Th là đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền lập ngày 22/10/2013.(Có mặt)

15/ Ông HOÀNG TRUNG TU1, sinh năm 1952.

16/ Bà THÁI THỊ B7, sinh năm 1978.

17/ Ông HOÀNG THÁI S, sinh năm 1980.

18/ Ông HOÀNG THÁI H7, sinh năm 1986.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

(Các ông bà Tu1, B7, S, H7 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

19/ Ông HOÀNG TRUNG THÀ, sinh năm 1954.

20/ Bà NGUYỄN NGỌC TR, sinh năm 1969.

21/ Trẻ HOÀNG MINH Đ1, sinh ngày 19/9/2000.

22/ Trẻ HOÀNG KHÁNH NJ, sinh ngày 15/3/2003.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: 443 HBT, Phường T, Quận B, Tp. H

- Các trẻ Hoàng Minh Đ1, Hoàng Khánh NJ có cha là ông Hoàng Trung Thà làm giám hộ.

- Bà Nguyễn Ngọc TR có ông Hoàng Trung Thà đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 24/6/2014. (Vắng mặt)

23/ Bà ĐÀO THỊ T6, sinh năm 1942.

Hộ khẩu thường trú: 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H

Bà T6 có bà Đào Thị H2 đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 25/10/2013.(Có mặt)

24/ Bà MAI THỊ NG, sinh năm 1934.

Hộ khẩu thường trú: 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

25/ Ông NGUYỄN VĂN TRJ, sinh năm 1952.

26/ Bà PHẠM THỊ NHƯ TH1, sinh năm 1961.

27/ Ông NGUYỄN THÀNH TR6, sinh năm 1982.

28/ Trẻ NGUYỄN NAM KH1, sinh ngày 19/02/2000.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố

H.

- Ông Nguyễn Thành Tr6 có ông Nguyễn Văn TrJ đại diện theo ủy quyền -
Văn bản ủy quyền lập ngày 13/11/2013.

- Trẻ Nguyễn Nam Kh1 có cha là ông Nguyễn Văn TrJ làm giám hộ.

(Ông Nguyễn Văn TrJ có mặt, bà Phạm Thị Như Th1 vắng mặt).

29/ Bà NGÔ THỊ KH0, sinh năm 1949.

30/ Ông TRỊNH QUỐC TJ, sinh năm 1982.

31/ Ông TRỊNH QUỐC C2, sinh năm 1978.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố

Hồ Chí Minh.

32/ Ông TRỊNH QUỐC C6, sinh năm 1938.

Cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H

Các ông (bà) Trịnh Quốc Cường, Trịnh Quốc TJ, Ngô Thị Kh0 có ông
Trịnh Quốc C2 đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 26/10/2013.

(Có mặt).

33/ Bà LÊ THỊ R2, sinh năm 1929.

34/ Bà TRẦN THỊ N X, sinh năm 1957.

35/ Ông TRẦN HÙNG Đ, sinh năm 1960.

36/ Ông TRẦN HÀ Đ, sinh năm 1965

37/ Bà LÊ THỊ KIM Y1, sinh năm 1976.

38/ Ông PHAN VĂN TO, sinh năm 1952.

39/ Ông LÊ MINH ĐM, sinh năm 1978.

40/ Bà VŨ THỊ TỐT, sinh năm 1965.

41/ Trẻ LÊ CHÍ D7, sinh ngày 13/3/2000.

42/ Trẻ TRẦN DIỄM QU, sinh ngày 19/11/2000.

43/ Trẻ TRẦN QUỲNH DZ, sinh ngày 21/8/2006.

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T,
Quận B, Thành phố H.

44/ Ông TRẦN ĐÌNH HY, sinh năm 1918 (chết ngày 29/3/2015).

Hộ khẩu thường trú trước lúc chết, cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Đình HY:

- Bà Lê Thị R2, sinh năm 1939 (vợ).
- Ông Trần Đ H, sinh năm 1956 (con ruột).
- Bà Trần Thị T S, sinh năm 1967 (con ruột).
- Ông Trần Đ H7, sinh năm 1970 (con ruột).
- Ông Trần Đ H2, sinh năm 1975 (con ruột).

- Trẻ Lê Chí DX có mẹ là Trần Thị T S là người giám hộ, các trẻ Trần Diễm Q, Trần Quỳnh GI có cha là Trần Đ H là người giám hộ.

- Các ông (bà) R2, S, H2, Y, TJ, Đ, T có ông Trần Đ H đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 23/11/2013, 06/11/2013, 16/11/2013.

(Ông Trần Đ H có mặt, ông Trần Đ H7 vắng mặt).

45/ Ông TRẦN LẠC C, sinh năm 1931 (chết ngày 10/4/2014).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Lạc:

- Ông Trần T H2, sinh năm 1945 (con ruột).

Cư trú tại: số nhà 43R9 H, Phường C, Q. P, Thành phố H.

- Bà Trần Thị T², sinh năm 1949 (con ruột).

Cư trú tại: Tổ 1, KP6, P. L, Q. T, Thành phố H.

- Bà Trần Thị T Nga, sinh năm 1953 (con ruột).

Cư trú tại: số nhà 59 N, Phường S, Quận B, Thành phố H.

- Ông Trần Thanh F, sinh năm 1951 (con ruột).

Cư trú tại: số nhà 872/86 Q, Phường T, quận G, Thành phố H.

(Các ông bà H2, T², Nga, F vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt).

46/ Ông TRẦN D LỘC, sinh năm 1935 (chết ngày 08/6/2014).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần D Lộc:

- Bà Trần Linh M. sinh năm 1960 (con ruột).

Cư trú tại: x , phường B, Quận M0, Thành phố H.

(Bà Linh M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

47/ Ông BÙI XUÂN H, sinh năm 1976.

48/ Bà PHÙNG KIM Ô, sinh năm 1977.

49/ Trẻ BÙI MẠNH TR, sinh ngày 05/10/2004.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 H Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Trẻ *Bùi Mạnh Tr* có mẹ là bà *Phùng Kim Ô* làm người giám hộ.

- Ông *Bùi Xuân H* có bà *Phùng Kim Ô* đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 01/11/2013. (Vắng mặt)

50/ Ông BÙI XUÂN H7, sinh năm 1946.

51/ Bà PHẠM THỊ B8, sinh năm 1949.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 H, Phường T, Quận B, Thành phố H.

(Ông *Phạm Xuân H7* và bà *Phạm Thị B8* vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

52/ Ông PHẠM TIỀN C, sinh năm 1945.

Cư trú tại: số nhà Z, cư xá B, Phường X, Quận M, Thành phố H.

Có bà *Phùng Kim Ô* đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 01/11/2013. (Vắng mặt)

53/ Bà MAI THỊ H7, sinh năm 1983.

Cư trú tại: số nhà B, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Bà *Hương* có bà *Mai T Nga* đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 30/11/2013. (Có mặt)

54/ Ông LÊ THƯ LY, sinh năm 1967.

55/ Bà NGUYỄN MỸ HY, sinh năm 1975.

56/ Trẻ LÊ M ANH, sinh ngày 15/12/1999.

57/ Trẻ LÊ HỒNG H2, sinh ngày 12/01/2003.

58/ Trẻ LÊ QUANG M, sinh ngày 06/02/2013.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Các trẻ *Lê M Anh, Lê Hồng H2, Lê Quang M* có cha là ông *Lê Thư LY* là người giám hộ.

- Bà *Nguyễn Mỹ HY* có ông *Lê Thư LY* đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 26/10/2013. (Có mặt)

59/ Ông HÀ MINH ĐỨC, sinh năm 1967.

60/ Bà LÊ THỊ M2, sinh năm 1977.

61/ Trẻ HÀ NGỌC MINH, sinh ngày 13/4/2002.

62/ Trẻ HÀ ANH Q, sinh ngày 13/11/2008.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận 3, Thành phố H.

Các trẻ Hà Ngọc Minh, Hà Anh Q có cha là ông Hà Minh Đức là người giám hộ. (Ông Hà Minh Đức và bà Lê Thị M2 vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

63/ Bà PHẠM THỊ P DUNG, sinh năm 1965.

64/ Ông TRẦN SƠN K, sinh năm 1955.

65/ Bà TRẦN THỊ QUÝ ANH, sinh năm 1987.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

(Các ông bà Dung, Sơn K, Anh vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

66/ Bà ĐÀO THỊ M, sinh năm 1940.

67/ Ông HÀ HỒNG H7, sinh năm 1973.

68/ Bà BÙI THỊ NH, sinh năm 1980.

69/ Trẻ HÀ QUANG L, sinh ngày 04/6/2005.

70/ Trẻ HÀ MINH Q, sinh ngày 12/6/2010.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HTB, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Các trẻ Hà Quang L, Hà Minh Q có cha là ông Hà Hồng H7 làm người giám hộ.

- Các bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh có ông Hà Hồng H7 đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 25/10/2013, ngày 04/11/2013. (Có mặt)

71/ Ông LÊ QUANG Q1, sinh năm 1956.

72/ Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT T, sinh năm 1980.

73/ Trẻ LÊ NHƯ NG, sinh ngày 08/9/1999.

74/ Trẻ LÊ NGUYỄN PHI X, sinh ngày 07/12/2001.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Các trẻ Lê Như Ng, Lê Nguyễn Phi Ng X có cha là ông Lê Quang Q1 làm người giám hộ.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết T có ông Lê Quang Q1 đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 29/10/2013. (Có mặt)

75/ Bà NGUYỄN THỊ DU, sinh năm 1978.

Đăng ký thường trú: số nhà K, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Bà Du có bà Nguyễn Thị Thùy TR đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 05/11/2013. (Có mặt)

76/ Ông NGUYỄN ĐỨC K, sinh năm 1963.

77/ Bà ĐẶNG THỊ H², sinh năm 1960.

78/ Ông NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG A, sinh năm 1989.

79/ Trẻ NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG A, sinh năm 2000.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Trẻ Nguyễn Đặng Phương A có cha là ông Nguyễn Đức K làm người giám hộ.

- Các ông bà Đặng Thị H², Nguyễn Đức Cường A có ông Nguyễn Đức K đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 28/11/2013.(Có mặt)

80/ Bà ĐÀO THỊ HU, Sinh 1943.

81/ Ông VÕ VĂN Q, Sinh 1942.

82/ Ông VÕ VĂN D, Sinh 1969.

83/ Ông VÕ VĂN H2, Sinh 1973.

84/ Bà TRẦN NGỌC H, Sinh 1973.

85/ Trẻ VÕ NGỌC HỒNG Đ2, Sinh 24/9/2000.

Cùng cư trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

- Trẻ Võ Ngọc Hồng Đ2 có cha là ông Võ Văn H2 là người giám hộ.

- Các ông (bà) Võ Văn Q, Võ Văn D, Võ Văn H2, Trần Ngọc H có bà Đào Thị H2 đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 25/10/2013.

(Có mặt)

86/ Ông VÕ TR, sinh năm 1946.

87/ Bà NGUYỄN HÀ T, sinh năm 1948.

88/ Ông TRẦN AN BÌNH, sinh năm 1995.

89/ Ông TRẦN BÌNH HÀ B, sinh năm 1995.

90/ Bà VÕ THANH MỸ B, sinh năm 1977.

91/ Bà NGUYỄN THỊ NH, sinh năm 1927.

Cùng trú tại: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Các ông bà Tr, NH, An Bình, Mỹ B, Hà B có bà Nguyễn Hà T đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 26/10/2013.(Có mặt)

92/ Ông MAI VĂN K, sinh năm 1957.

Hộ khẩu thường trú: Số J, Phường X, quận BT, Thành phố H.

Ông K có bà Mai Thị Ng đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 08/11/2013.(Có mặt)

93/ Ông TRẦN VĂN V, sinh năm 1967.

94/ Bà VŨ THỊ NGỌC H, sinh năm 1973.

Cùng trú tại: số nhà E, KP2, Quốc lộ 1, phường Đ, Quận M2, T.P H.

(Ông Trần Văn V và bà Vũ Thị Ngọc H vắng mặt).

95/ Ông VŨ NGUYỄN H, sinh năm 1958.

Cư trú tại: X đường số 3 KP.14, phường B, quận B, Thành phố H.

Ông H có ông Vũ Nguyên Ngọc H đại diện theo ủy quyền - Văn bản ủy quyền lập ngày 24/01/2015.

(Ông Vũ Nguyên H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

96/ Ông PHẠM ĐÌNH T, sinh năm 1938.

Cư trú tại: số nhà L, lô B, Phường B, quận P, Thành phố H.

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

97/ Ông ĐỖ ĐỨC NG, sinh năm 1966 (chết ngày 26/02/2008).

Nơi cư trú trước lúc chết: Số K, phường H, quận T, Thành phố H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ng:

- Bà Trần Thị Ngọ, sinh năm 1936 (mẹ ruột).

- Bà Võ Thị Tro, sinh năm 1965 (vợ).

- Ông Đỗ Huy Ho, sinh năm 1991 (con).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số nhà A, phường H, quận T, Thành phố H. *(Các ông bà Ngọ, Tro, Ho vắng mặt).*

98/ Bà VÕ THỊ HI, sinh năm 1975.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: số nhà V KP.56, Đ, phường PL, Quận C, Thành phố H. *(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

99/ Bà GIANG YẾN TH, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số nhà X, Phường N, Quận N, Thành phố H.

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

100/ Ông HOÀNG MẠNH T1 chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ.

Địa chỉ: số nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

101/ CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG Q.

Trụ sở: Số B, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Có ông Hà Hồng H đại diện theo pháp luật. *(Có mặt)*

102/ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ TN

Trụ sở: Số K1, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Có ông Nguyễn Đan Tr đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn thống nhất trình bày:

Căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị Tr (theo bằng khoán điền thổ số 439 của Phủ Toàn Quyền Đông Dương – Phòng Sài Gòn và Trích sao điền thổ số 2131/TS – TTĐK do Trung tâm Thông tin Tài Nguyên – Môi Trường và Đăng ký Nhà đất cấp ngày 24/9/2008).

Bà Đặng Thị Tr chết năm 1977, bà Tr có chồng là Nguyễn Văn B chết năm 1956, bà Tr, ông B cả hai đều không để lại di chúc. Bà Tr và ông B có tất cả 04 người con là Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Tr.

Bà Nguyễn Thị C không có chồng con và đã chết năm 2005.

Bà Nguyễn Thị H không có chồng con đã chết năm 2004.

Bà Nguyễn Thị Nh (chết năm 1991) có chồng là Trương Kỳ X (chết năm 2004), bà Nh ông X có tất cả 03 người con là Trương Hằng N, Trương Ngọc Á, Trương Ngọc A.

Bà Nguyễn Thị Tr (chết năm 1978) có chồng là Vũ Văn C (đã chết), bà Tr và ông C chỉ có 01 người con là Vũ M.

Sau khi ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Tr chết, các con là các bà Nh, C, H, Tr là người được hưởng di sản là căn nhà 443 HBT, đến tháng 8/1978 thì bà Tr chết, lúc này bà Nh, C, H là người quản lý căn nhà này. Do vừa mới giải phóng chưa có nhu cầu sử dụng nên các bà Nh, C, H có cho Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (sau đó được đổi thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều nay đổi thành Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ) **mượn** căn nhà này để làm trụ sở. Việc cho mượn nhà, hai bên có làm “Giấy cho mượn nhà” lập năm 1978 (không đề ngày tháng). Theo nội dung các bên thỏa thuận tại giấy này thì các bà Nh, C, H đồng ý cho Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mượn căn nhà 443 HBT để làm trụ sở, đến lúc nào không còn nhu cầu sử dụng thì Chi nhánh phải trả nhà.

Tuy nhiên, sau khi không còn nhu cầu sử dụng, bị đơn tự ý chia nhỏ nhà và phân cho cán bộ của Xí nghiệp vào ở nhà này mà không trả nhà cho nguyên đơn. Nhiều lần yêu cầu trả nhà nhưng không thành nên nguyên đơn khởi kiện Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều yêu cầu trả nhà (vì Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 đã được đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều). Nay Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều đã được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Chế biến

Hạt Điều LLQ; vì vậy nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ và những người đang quản lý, sử dụng, cư trú tại nhà 443 HBT phải có nghĩa vụ liên đới trả lại toàn bộ căn nhà 443 HBT cho nguyên đơn và các đồng thừa kế.

Nguyên đơn xuất trình chứng cứ làm cơ sở yêu cầu khởi kiện là “Giấy cho mượn nhà” đề năm 1978 có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường M3, Quận B (*nay là phường T, Quận B*).

Phần trình bày của bị đơn tại Tòa án nhân dân Quận B:

Tại bản tự khai ngày 10/01/2005, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 14/12/2007 bị đơn Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ có bà Nông Thị Hồng D (phó giám đốc Công ty) đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H thực chất đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mua của các bà Nguyễn Thị NH, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H với giá 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng vào năm 1978. Tuy nhiên tại thời điểm 1978 do chính sách nhà nước cấm cơ quan nhà nước mua nhà của tư nhân, nên hai bên đã thỏa thuận mua bán bằng hình thức cùng nhau ký “Giấy cho mượn nhà” có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M3, Quận B (*nay là phường T, Quận B*), bà Nh, C, H đã nhận tiền và ký vào giấy nhận tiền đề ngày 16/12/1978. Ngoài 02 giấy này thì các bà Nh, C, H còn ký tên trên “giấy cho nhà” cho Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3.

Sau một thời gian sử dụng, vì cán bộ công nhân viên thiếu chỗ ở nên Chi nhánh thống nhất chuyển đổi nhà này thành nhà tập thể và phân cho các cán bộ làm nơi sinh sống. Năm 2006, do tình trạng nhà xuống cấp nặng nên Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ có làm thủ tục để chuyển căn nhà này cho cơ quan có thẩm quyền quản lý nhưng chưa thực hiện được do có tranh chấp.

Vì căn nhà này các bà Nh, C, H đã bán cho Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 là đơn vị tiền thân của Công ty. Vì vậy nay Công ty không đồng ý giao trả căn nhà này, vì thực tế đây không phải là việc cho mượn nhà mà là hai bên đã mua bán.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 19/5/2015 bị đơn Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ có ông Nguyễn Ngọc Ch đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 2001 Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có quyết định số 6791/QĐ-BNN ngày 28/12/2001 chuyển Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều thành Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ. Khi cổ phần hóa, nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H không đưa vào cổ phần hóa. Theo biên bản

bàn giao tài sản tiền vốn của Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều cho Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ ngày 16/6/2003, thì nhà 443 HBT thuộc trách nhiệm theo dõi, quản lý của Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ, việc xử lý phải theo các quyết định của các cơ quan có thẩm quyền. Trên thực tế thì việc quản lý nhà 443 HBT do tập thể công nhân ở đây quản lý, Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ không trực tiếp tham gia quản lý.

Năm 2008, các cổ đông của Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ đã chuyển nhượng 90% vốn điều lệ cho ông Ngô Triều V theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 91/HĐCN ngày 09/9/2008. Theo biên bản ngày 21/11/2008 giữa ông Dương Minh Kh và ông Ngô Triều V thì không có bàn giao bất kỳ tài liệu nào liên quan đến việc quản lý nhà 443 HBT, do đó Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ hiện nay không có lưu giữ tài liệu liên quan đến nhà 443 HBT.

Đối với vụ tranh chấp đòi nhà 443 HBT, Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ không có yêu cầu gì. Việc giải quyết tranh chấp này được tiến hành theo quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ tôn trọng tuyệt đối phán quyết cuối cùng của Tòa án và các cơ quan có thẩm quyền.

Tại bản tự khai biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có bà Trương Hằng N trình bày:

Xác định việc nguyên đơn trình bày về nguồn gốc tài sản, hàng thừa kế và việc cho mượn tài sản như trên là đúng sự thật. Nay đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc A có bà Trương Hằng N đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xác định việc nguyên đơn trình bày về nguồn gốc tài sản, hàng thừa kế và việc cho mượn tài sản như trên là đúng sự thật. Nay đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải bà Trịnh Thị Minh Ph với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Bùi Hồng H, Lê Hương J, Bùi Hồng H1, Lê Nguyễn Thụy V trình bày:

Năm 1978 chồng bà là ông Bùi Đoàn L được điều động vào công tác tại Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 (sau đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều). Ngày 20/9/1982 vợ chồng bà được phân 02 căn phòng tập thể tại nhà 443

HBT (là phòng số 5 và số 6) để làm chỗ ở theo Quyết định số 10 – TCHC ngày 20/9/1982.

Sau khi được phân, vợ chồng bà sử dụng được một thời gian thì Xí nghiệp cho đổi 02 phòng đã phân trong ngôi nhà chính ra khu vực gara ô tô ngoài sân theo quyết định số 202 TC ngày 06/ 11/1990. Khi nhận 02 phòng gara ngoài sân do quá chật nên vợ chồng bà có tự làm thêm một phòng phía trước mặt tiền khoảng hơn 14m². Như vậy gia đình bà có tổng cộng 03 căn phòng để sử dụng nay ký hiệu là số 06 và 12 (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007).

Việc sửa chữa cải tạo một phần gara thành 03 phòng ở đã được lãnh đạo cơ quan đồng ý. Vợ chồng bà đã sửa chữa để cải tạo các hạng mục sau để thành 03 căn phòng như hiện nay gồm: Lát lại gạch, làm thêm nhà vệ sinh công trình phụ, lắp hệ thống điện nước, làm thêm gác xép ở trên, xây tường để ngăn vách... Tổng chi phí sửa chữa khoảng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, kinh phí này do vợ chồng bà bỏ ra.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình bà có ý kiến như sau:

Căn nhà này đã được Xí nghiệp Lâm đặc sản Xuất khẩu số 3 (sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H. Sau khi mua Xí nghiệp đã phân nhà cho vợ chồng bà là hoàn toàn hợp pháp, gia đình bà đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vì vậy nay bà không đồng ý trả nhà và yêu cầu được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ để gia đình yên tâm ổn định cuộc sống.

Ngoài ra bà Trịnh Thị Minh Ph với tư cách là Chủ hộ kinh doanh cá thể HH trình bày:

Năm 2006 bà có mở tiệm kinh doanh này để kinh doanh photocopy tại nhà 443 HBT. Do hoạt động không có hiệu quả nên bà đã ngưng hoạt động từ rất lâu. Tuy nhiên do già yếu nên bà chưa lên quận để làm thủ tục chấm dứt hoạt động. Nay bà xác định:

1/ Hộ kinh doanh HH đã chấm dứt không còn hoạt động tại nhà 443 Hai Bà Trưng.

2/ Hộ kinh doanh HH không có bất cứ quyền lợi hay yêu cầu gì liên quan đến vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Hoàng Phúc Th với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Vũ Thị Ng, Hoàng Mạnh T1 trình bày:

Hiện nay gia đình ông đang quản lý và sử dụng các căn phòng ký hiệu số 15 tại nhà 443 HBT (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*) có diện tích khoảng 60 m² và một căn bếp phía đối diện.

Nguồn gốc các căn phòng như sau: Ông là cán bộ của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, năm 1983 Xí nghiệp phân cho ông căn phòng đối tại lầu 01 nhà 443 HBT theo quyết định số 250/HC ngày 26/6/1983.

Năm 1990 vợ chồng ông tiến hành cải tạo sửa chữa phòng được phân để có hiện trạng như bây giờ và có coi nói xây thêm phần bếp phía đối diện. Các hạng mục sửa chữa xây dựng gồm: Xây tường, lót lại nền nhà, làm lại nhà vệ sinh, xây thêm bếp, đóng lại trần nhà.... Tổng chi phí sửa chữa xây dựng khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng chi phí này do vợ chồng ông bỏ ra.

Hiện nay toàn bộ phần nhà được phân, ông đang cho gia đình cháu của ông là Hà Đức M và Lê Thị M2 ở và trông coi nhà.

Đối với vụ án này, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà này đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, sau khi mua Xí nghiệp đã phân nhà cho vợ chồng ông là hoàn toàn hợp pháp, gia đình ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vì vậy nay ông không đồng ý trả nhà và yêu cầu được hóa giá nhà theo nghị định 61 của Chính Phủ để gia đình yên tâm ổn định cuộc sống.

Tại đơn đề nghị giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 26/01/2008 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Trung T1 và bà Thái Thị B7 cùng thống nhất trình bày:

Trước đây vợ chồng ông bà mua căn phòng số 01 tầng trệt khu tập thể số nhà 443 hbt, Phường T, Quận B (*theo sổ cũ trên quyết định phân nhà*) của ông Võ Nguyên H2 thường trú tại số 443, HBT, Phường T, Quận B. Việc mua bán bằng giấy viết tay và ông Vũ Nguyên H2 đã trao quyết định số: 206/TC ngày 6/11/1990 của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 về việc phân cho ông Vũ Nguyên H2 căn phòng số 01 tầng trệt khu tập thể nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H cho ông.

Nay ông bà không ở căn phòng này nữa và bán lại cho ông Hoàng Trung Thà, sinh ngày 15/01/1974; số chứng minh nhân dân: 023162355; cấp ngày 08/3/2007; tại Thành phố H; Hộ khẩu thường trú tại số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H. Hiện nay ông Hoàng Trung Thà là chủ sở hữu của căn

phòng trên nên mọi việc liên quan đến căn phòng số 01 tầng trệt khu tập thể 443 HBT, Phường T, Quận B đều thuộc quyền giải quyết của ông Hoàng Trung Thà.

Ông bà không còn quyền lợi và trách nhiệm gì trong việc tham gia tranh chấp liên quan đến căn phòng này nữa.

Đối với vụ tranh chấp nhà 443 HBT, Phường T, Quận B vợ chồng ông bà không còn bất cứ quyền lợi nào và ông bà không có bất cứ yêu cầu gì liên quan tới vụ án. Vì vậy ông bà làm đơn này đề nghị Tòa án Nhân dân quận B hòa giải xét xử vắng mặt.

Tại đơn đề nghị giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 26/09/2008 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thái S trình bày:

Ông chỉ là người ở tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B theo bố Hoàng Trung T1 và mẹ Thái Thị B7. Trong thời gian ở ông không bỏ ra bất cứ chi phí nào để sửa chữa nhà và ông không có tranh chấp nào về sở hữu căn nhà này.

Trong trường hợp nếu Tòa án Nhân dân Quận 3 đưa ông vào tham gia tố tụng thì ông đề nghị Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2015 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Thái H7 trình bày:

Ông là con ông Hoàng Trung T1 và bà Thái Thị B7 ông được nhập hộ khẩu vào nhà 443 HBT, Phường T, Quận B theo bố mẹ. Đối với vụ án này ông có ý kiến như sau:

1/ Trong thời gian ở tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B ông không bỏ ra bất cứ chi phí sửa chữa, tôn tạo nào cả.

2/ Vì ông chỉ ở theo bố mẹ nên cũng không có quyền lợi nào liên quan đến căn phòng mà bố mẹ sử dụng, sau đó chuyển nhượng lại cho chú ruột là Hoàng Trung Thà.

3/ Đối với vụ án này ông không có bất cứ yêu cầu gì liên quan nên đề nghị tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng, nếu tòa án vẫn đưa ông vào tham gia tố tụng thì ông đề nghị được hòa giải xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Hoàng Trung Thà với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ của trẻ Hoàng Minh Đ1, Hoàng Khánh Ng và cũng là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc Thùy Tr trình bày:

Ông là em ruột của ông Hoàng Trung T1, vào năm 2007, vợ chồng ông có mua lại của vợ chồng ông Hoàng Trung T1 - Thái Thị B7 căn phòng ký hiệu số 11 trong căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007).

Nguyên căn phòng này được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 phân cho ông Vũ Nguyên H2 (*là cán bộ của xí nghiệp*) theo quyết định số 206/TC 06/11/1990. Do không còn nhu cầu sử dụng nên ngày 17/7/1993 ông H2 đã sang nhượng (*bán*) căn phòng này lại cho ông Hoàng Trung T1. Ngày 20/9/2007 vợ chồng ông T1 đã bán căn nhà này cho vợ chồng ông, việc sang nhượng mua bán giữa các bên chỉ lập bằng giấy tay.

Sau khi mua từ ông T1 bà B7, vợ chồng ông đã sửa chữa cải tạo lại căn phòng để có hiện trạng như hiện nay cụ thể: Làm thêm gác xép, làm lại nhà vệ sinh, lát lại sàn nhà, sơn tường, làm lại trần nhà... Tổng chi phí sửa chữa khoảng 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng do vợ chồng ông bỏ ra. Hiện vợ chồng ông không ở tại căn phòng này mà cho thuê, hình thức cho thuê là ở tháng nào trả tiền nhà tháng đó, không lập hợp đồng thuê. Những người thuê gồm:

- 1/ Phạm Thị Phương D.
- 2/ Trần Khánh S1.
- 3/ Trần Thị Quỳnh A.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà này đã được Chi nhánh Lâm Đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H. Sau khi mua Xí nghiệp đã phân nhà cho ông H2, ông H2 bán cho ông T1 và vợ chồng ông mua lại của vợ chồng ông T1 là hoàn toàn hợp pháp, vợ chồng ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Vì vậy nay ông không đồng ý trả nhà và đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định 61 của Chính Phủ để gia đình yên tâm ổn định cuộc sống.

Ngoài ra ông trình bày thêm: Các hợp đồng mua bán nhà giữa ông H2 và ông T1 và giữa ông T1 với vợ chồng ông là do các bên tự nguyện ký kết và đã thực hiện xong nên trong vụ án này không yêu cầu tòa xem xét giải quyết lại đối với các hợp đồng này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị T6 có bà Đào Thị H2 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Phạm Đình Th nguyên là cán bộ của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, năm 1990 ông Th được xí nghiệp phân cho 02 căn phòng (*một phòng tại tầng một và một phòng ở trệt*) theo quyết định số 210/TC ngày 06/11/1990. Do

khi nhận phòng thì phòng ở trệt ông Trần Đình H2 đang chiếm sử dụng nên ông Thanh được bố trí sử dụng 02 phòng ở lầu 01 đối diện nhau.

Ông Th sử dụng đến năm 1993 thì sang nhượng lại quyền sử dụng 02 căn phòng này cho bà Đào Thị T6, việc sang nhượng 02 bên có làm giấy tay là “*Giấy nhượng quyền sử dụng chỗ ở*” đề ngày 22/02/1993.

Thời gian này do chị gái của bà Thanh là bà Đào Thị M chưa có chỗ ở nên sau khi sang nhượng bà Th đã cho bà M 02 căn phòng này. Nay 02 phòng này đã được bà M cải tạo thành phòng ký hiệu số 14 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*).

Ngoài ra bà T6 cũng là nhân viên Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 nên được Xí nghiệp cấp cho 01 căn phòng tại nhà 443 HBT nay được ký hiệu là số 03 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*). Khi phân phòng, bà T6 không được nhận quyết định, đến năm 1990 thì bà Th cho lại em gái là bà Đào Thị H2 căn phòng này làm nơi sinh sống.

Ngoài 02 căn phòng trên thì trong thời gian ở tại nhà này, bà Th có mua lại của ông Trần Duy L 01 căn phòng tại tầng trệt nay được ký hiệu là phòng số 09 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*). Sau khi mua vì không còn nhu cầu sử dụng bà đã sang nhượng lại quyền sử dụng căn hộ này cho ông Nguyễn Đức K, việc sang nhượng cho ông KB bà Th chỉ làm giấy tay.

Nay bà Th xác định:

1/ Đối với căn phòng số 14 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) mà bà M đang sử dụng. Do bà Th đã tặng cho bà M căn phòng này nên bà Th không còn bất cứ quyền lợi gì liên quan đến căn phòng này, mặc dù có bỏ ra chi phí sửa chữa xây dựng nhưng bà Th không yêu cầu hoàn trả chi phí xây dựng mà bà đã bỏ ra, mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, bà Th đề nghị giải quyết cho bà Đào Thị M. Đối với căn phòng này khi cho bà M, hai bên không làm hợp đồng tặng cho mà bà Th chỉ viết tay giấy xác nhận là đã cho bà M.

2/ Đối với căn phòng số 03 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) mà bà H2 đang sử dụng. Do bà Th đã tặng cho bà H2 căn phòng này nên nay bà Th không còn bất cứ quyền lợi gì liên quan đến căn phòng này, mặc dù có bỏ ra chi phí sửa chữa xây dựng nhưng bà Th không yêu cầu hoàn trả chi phí xây dựng mà bà đã bỏ ra, mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, bà Th đề nghị giải quyết cho bà Đào Thị H2. Đối

với căn phòng này khi cho bà H2, do là chị em nên các bên không làm giấy tờ tặng cho mà chỉ nói bằng miệng.

3/ Đối với căn phòng số 09 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)* mà ông K đang sử dụng. Do bà Th đã sang nhượng quyền sử dụng cho ông K nên bà không còn bất cứ quyền lợi gì liên quan đến căn phòng này. Mặc dù có bỏ ra chi phí sửa chữa xây dựng nhưng bà Th không yêu cầu hoàn trả chi phí xây dựng mà bà đã bỏ ra, mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, bà Th đề nghị giải quyết cho ông Nguyễn Đức K.

Các hợp đồng chuyển nhượng, mua bán giữa ông Phạm Đình Th và ông Trần Duy L với bà T6 là do bà T6 tự nguyện ký kết và tự chịu trách nhiệm nên bà đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết các hợp đồng này trong vụ án này.

Việc bà T6 tặng nhà cho bà M, bà H2 và sang nhượng cho ông K là hoàn toàn tự nguyện nên các bên cùng tự chịu trách nhiệm, bà T6 đề nghị Tòa không xem xét đối với các giao dịch này trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Ng trình bày:

Bà nguyên là cán bộ của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3. Bà được Xí nghiệp phân căn phòng số 02 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007)* theo quyết định số 22/TC– HCQT ngày 04/2/1986. Đến ngày 30/5/1992 nhà xuống cấp, bà lại bị bệnh nặng không có tiền sửa nhà và cũng không có tiền để chữa bệnh nên buộc bà phải sang nhượng lại quyền sử dụng căn phòng này lại cho bà Nguyễn Hà T6 để lấy tiền chữa bệnh, bà Thanh sử dụng căn phòng này từ đó cho đến nay nên bà đề nghị các chế độ liên quan đến căn phòng này đều giải quyết cho bà Nguyễn Hà T6 bà không tranh chấp gì.

Ngoài ra ông Mai Văn Kh là em ruột của bà cũng được Xí nghiệp phân vào ở phòng tập thể tại nhà 443 HBT theo quyết định số 208/TQ năm 1990. Tuy nhiên do cơ quan không sắp xếp được chỗ ở cho ông Kh nên lãnh đạo cơ quan đồng ý *(bằng miệng)* cho ông Kh tự sửa chữa 01 phòng nhỏ tại ga ra ô tô *(phía trước nhà 443 HBT)* để ở. Ông Kh đã bỏ chi phí sửa chữa để có 01 phòng tại gara ô tô nay phòng này ký hiệu là 05 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)*.

Sử dụng được một thời gian vì phòng quá nhỏ, gia đình ông Kh lại đông người và lại không được nhập hộ khẩu vào nhà này, nên ngày 25/5/1994 ông Kh đã cho bà hán căn phòng nói trên và bà đã sử dụng căn phòng này từ đó cho tới

nay. Việc tặng cho, vì là chị em nên hai bên không làm hợp đồng, ông Kh chỉ viết giấy xác nhận là đã cho bà.

Sau khi ông Kh cho bà căn phòng này, do phòng quá xuống cấp nên bà đã đầu tư sửa chữa nhiều hạng mục để có hiện trạng như hiện nay cụ thể: Lát lại nền, làm lại bếp, toa let, làm lại trần nhà, đi lại hệ thống điện nước.... Tổng chi phí sửa chữa xây dựng khoảng 150.000.000 (Một triệu năm mươi triệu) đồng do cá nhân bà bỏ ra.

Đối với vụ án này bà có ý kiến như sau: Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm Đặc sản Xuất khẩu 3 *(sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều)* mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý. Sau khi mua nhà, Xí nghiệp đã đồng ý bằng miệng cho ông Kh cải tạo một phần ở gara lại thành một phòng để ở. Sau khi cải tạo, vì thấy bà không có chỗ ở nên ông Kh đã cho lại bà để làm nơi sinh sống. Hiện nay bà đã già lại là độc thân nên yêu cầu được nhà nước quan tâm hóa giá nhà cho bà theo nghị định 61 của nhà nước để yên tâm khi về già, bà không đồng ý trả nhà vì đây là yêu cầu không có căn cứ.

Việc bà sang nhượng nhà cho bà T6 và việc ông Kh cho bà nhà là hoàn toàn do tự nguyện của các bên và tự chịu trách nhiệm đối với các giao dịch đã thực hiện vì vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các các giao dịch này trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn TrJ với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Nguyễn Nam Kh1 và cũng là đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Tr6 trình bày:

Nguyên trước đây ông công tác tại Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, năm 1990 ông kết hôn với bà Phạm Thị Như Th1 là người cùng Xí nghiệp, do vậy cơ quan đồng ý cho vợ chồng ông ở tạm phòng tập thể là phòng số 17 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)* chờ cơ quan phân nhà sau. Khi vợ chồng ông chuyển đến phòng số 17 ở tạm thì ông Trần Văn V là người cùng xí nghiệp cũng chuyển đến ở.

Ngày 06/11/1990 Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 có quyết định số 207/TC chính thức phân cho vợ chồng ông 01 phòng riêng nay ký hiệu là số 14 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007)*, tại thời điểm đó phòng này do gia đình ông Phạm Đình Th đang ở. Theo phân phối của cơ quan thì gia đình ông Th sẽ chuyển xuống ở tầng trệt

phòng của ông Trần Đình H2, ông H2 phải trả lại phòng này để bố trí cho gia đình ông Th.

Do gia đình ông Trần Đình H2 không chịu giao trả nhà cho gia đình ông Thanh tại lầu trệt nên gia đình ông Th không giao phòng số 14 cho vợ chồng ông, vì vậy gia đình ông vẫn phải ở phòng tập thể số 17 cùng với ông Trần Văn V. Ông Trần Văn V lấy vợ là bà Nguyễn Thị H và về cùng ở phòng số 17 với gia đình ông, nhà nhỏ nhưng có đến 02 gia đình sử dụng rất bất tiện.

Đến ngày 17/03/2002 vợ chồng ông V sang nhượng lại phần sử dụng của vợ chồng ông V trong căn phòng này cho vợ chồng ông với số tiền là 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng tương đương với 7,3 lượng vàng hai bên có làm giấy tay sang nhượng.

Gia đình ông đã sử dụng căn phòng này từ đó cho đến nay, quá trình sử dụng căn phòng số 17 số nhà 443 đường HBT, Phường T, Quận B gia đình ông đã nhiều lần phải đầu tư sửa chữa vì toàn bộ căn nhà 443 đường HBT, Phường T, Quận B đã xuống cấp rất nặng. Các hạng mục vợ chồng ông đã sửa chữa như sau :

- Lắp đặt toàn bộ đà sắt (6 x 12) cho trần nhà để đảm bảo an toàn và chống sập và làm sàn bê tông lát gạch men.

- Làm gác sàn bê tông trong nhà lát gạch men.

- Làm tại toàn bộ la phong, hệ thống điện, nước toàn nhà.

- Sơn lại toàn bộ tường nhà, cửa đi và cửa sổ.

- Làm lại hệ thống vệ sinh, nhà bếp, nhà tắm.

Tổng số tiền đầu tư sửa chữa là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng do vợ chồng ông tự bỏ ra.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị HJ nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, vợ chồng ông không đồng ý trả nhà. Việc vợ chồng ông về ở nhà này là hoàn toàn hợp pháp nên đề nghị được nhà nước quan tâm hóa giá theo nghị định 61 để gia đình ông sớm ổn định cuộc sống.

Việc sang nhượng quyền sử dụng căn phòng giữa vợ chồng ông Trần Văn V với vợ chồng ông là hoàn toàn tự nguyện của các bên nên vợ chồng ông tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã thực hiện, vì vậy không yêu cầu Tòa án

giải quyết đối với việc sang nhượng. Đề nghị các quyền lợi liên quan đến căn phòng này giải quyết cho vợ chồng ông được hưởng.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Như Th1 trình bày:

Xác định phần trình bày của bà trong vụ án này như nội dung mà ông Nguyễn Văn Trj (*chồng bà Th1*) đã trình bày ở trên và đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Trịnh Quốc C2 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Ngô Thị Kho, Trịnh Quốc C2, Trịnh Quốc Thj trình bày:

Ngày 06 tháng 11 năm 1990 ông được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 03 phân cho căn phòng số 5, tầng trệt nhà 443, HBT, Phường T, Quận B. Hiện nay phòng này được ký hiệu là số 07 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*), hiện trạng căn phòng mái dột nát, không cửa, không có công trình phục vụ vệ sinh, bếp và không có hệ thống thoát nước, ông đã cải tạo sửa chữa lần thứ nhất mất 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng để ở tạm.

Sử dụng được một thời gian, do nhà ở quá chật, lại xuống cấp, tường xây mục nát, nền nhà sụt lún cảm thấy không an toàn nên ông đã xin phép và được sự đồng ý của cơ quan và chính quyền địa phương sửa chữa cải tạo lại phòng để ở.

Các hạng mục mà ông đã cải tạo sửa chữa gồm: Làm thêm 01 gác, làm lại hệ thống thoát nước làm lại công trình vệ sinh phòng tắm, bếp – làm nền lát gạch, làm cửa kính nhà, cửa sổ, làm toàn bộ hệ thống điện nước.

Tổng chi phí sửa chữa lần 02 khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Tổng cộng 02 lần sửa hết 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, chi phí này do chính vợ chồng ông bỏ ra.

Căn phòng này vợ chồng ông làm nơi sinh sống cho 04 người gồm 02 vợ chồng và 02 con. Hiện nhà tập thể 443 HBT đang tranh chấp kéo dài nhiều năm, đã ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt gia đình, sức khỏe, học tập, làm việc các thành viên trong gia đình.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, gia đình ông không đồng ý trả nhà. Việc vợ chồng ông về ở nhà này là hoàn toàn hợp pháp nên đề nghị được nhà nước quan tâm hóa giá theo nghị định 61 để gia đình ông sớm ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Trần Đình H7 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Trần Diễm Qu, Trần Quỳnh Gi và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Lê Thị R2, Trần Thị T S, Trần Đình H2, Lê Thị Kim Y, Phan Văn T J, Lê Minh Đ1, Vũ Thị Tố T8 trình bày:

Cha ông là ông Trần Đình Huệ nguyên là giám đốc Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, cha ông được Xí nghiệp phân cho 02 phòng số 7 và số 8 tại tầng trệt nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B theo quyết định số 08/TCHC ngày 10/12/1983, hiện nay 02 căn phòng này được ký hiệu là 01 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*).

Trong quá trình sử dụng do nhà xuống cấp nên cha ông đã sửa chữa nhiều lần bao gồm: Sửa chữa hệ thống cấp thoát nước, tô lại tường, lát lại sàn nhà, làm nhà vệ sinh bếp, đóng lại trần nhà, thay lại cửa và đường dây điện. .. Tổng chi phí khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, chi phí này do cha mẹ ông bỏ ra ngoài ra không có ai bỏ ra thêm chi phí nào cả.

Cả gia đình ông sinh sống tại căn phòng này, sau đó do các con lập gia đình nên tự ra ở riêng. Vì vậy đến nay chỉ có bố mẹ ông là Trần Đình H2 và Lê Thị R2 ở phòng này.

Với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện cho gia đình ông có ý kiến đối với vụ án như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, gia đình ông không đồng ý trả nhà. Việc gia đình ông về ở nhà này là hoàn toàn hợp pháp nên đề nghị được nhà nước quan tâm hóa giá theo nghị định 61 để bố mẹ ông sớm ổn định cuộc sống.

Ngoài 02 căn phòng trên, bố ông được Xí nghiệp tạo điều kiện cho xây cải tạo lại phần mặt tiền của gara ô tô thành một phòng để ở, bố ông đã cải tạo thành một phòng và nay ký hiệu số 13 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*). Năm 1998 bố mẹ ông đã sang nhượng căn phòng này lại cho bà Nguyễn Thị Du, việc sang nhượng chỉ bằng

giấy tay, bà Du sau khi mua đã cải tạo lại thành căn phòng mặt tiền để làm nơi kinh doanh từ đó cho đến nay.

Nay ông xác định bố mẹ ông sang nhượng căn phòng này cho bà Du nên đề nghị các chế độ liên quan đến căn phòng, kể cả công nhận quyền sở hữu đều giải quyết cho bà Du gia đình ông không tranh chấp gì với bà Du.

Việc sang nhượng căn hộ giữa bố mẹ ông với bà Du là hoàn toàn tự nguyện của các bên và các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch đã thực hiện. Vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các giao dịch này trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 17/6/2015 ông Trần Đình H7 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Đình Huê trình bày:

Bố ông là Trần Đình H2 (*đã chết ngày 29/3/2015*) và mẹ ông là bà Lê Thị R2 có tất cả là 04 người con gồm Trần Đình H7 sinh 1956, Trần Thị T S sinh 1967, Trần Đình H7 sinh 1970, Trần Đình H2 sinh 1975.

Đối với vụ án này, gia đình ông đã có ủy quyền cho ông Trần Đình H7 tham gia tố tụng để trình bày ý kiến. Nay ông xác định đối với vụ án này ý kiến của ông như ý kiến của ông Trần Đình H7 đã trình bày tại Tòa án nhân dân quận 3, ngoài các ý kiến mà ông H7 đã trình bày ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác. Hiện nay vì ông phải thường xuyên đi công tác nên không thể tham gia tố tụng nên ông đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm vắng mặt ông, ông không có bất cứ khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2014 các ông bà Trần Thanh H2, Trần Thị T², Trần Thị Thanh N, Trần Thanh Phương là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Lạc trình bày:

Bố chúng tôi là Trần Lạc và mẹ là Hồ Thị Hoa, ông Lạc và bà Hoa có tất cả 04 người con là Trần Thanh H2, Trần Thị T², Trần Thị Thanh N, Trần Thanh Ph.

Nguyên bố chúng tôi (*ông Trần Lạc C*) là nhân viên Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu số 3, ngày 15/02/1982 ông Lạc được Chi nhánh cấp cho 01 căn phòng trong nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, căn phòng này đến nay được ký hiệu là phòng số 10 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*). Đến tháng 3 năm 1997 thì bố chúng tôi đã bán căn phòng này cho bà Đào Thị Hư, đến tháng 5 năm 1997 mẹ chúng tôi chết, năm 2014 thì bố chúng tôi chết.

Đối với vụ án này chúng tôi xác định các nội dung sau:

1/ Bỏ chúng tôi đã bán căn phòng số 10 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*) cho bà Đào Thị Hư, vì vậy đến nay chúng tôi không còn bất cứ quyền lợi nào liên quan đến căn phòng này, việc mua bán căn phòng này chúng tôi đã tự giải quyết xong nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Đối với vụ án này chúng tôi không có bất cứ yêu cầu gì.

2/ Vì chúng tôi không còn quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án này nên đề nghị tòa không đưa chúng tôi vào tham gia tố tụng, nếu tòa án vẫn đưa chúng tôi vào tham gia tố tụng trong vụ án này thì chúng tôi đề nghị tòa án giải quyết, hòa giải – xét xử vắng mặt chúng tôi, chúng tôi không có bất cứ khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2015 bà Trần Mỹ L là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Duy LJ trình bày:

Ông Trần Duy LJ đã chết ngày 08/6/2014 có vợ là bà Trần Lâm Liên M đã chết ngày 01/12/1993. Ông Lộc có 02 người con là bà và ông Trần Duy L đã chết (*liệt sỹ quân đội nhân dân Việt Nam*).

Với tư cách là người duy nhất kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Duy Lộc trong vụ án này bà có ý kiến như sau:

1/ Xác định bỏ bà là ông Trần Duy LJ đã chuyển nhượng cho bà Đào Thị Thanh 01 căn phòng tại nhà 443 HBT nay căn phòng này được ký hiệu số 09 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*).

2/ Nay bà không có yêu cầu gì về quyền lợi cũng như nghĩa vụ đối với căn phòng này, bà không tranh chấp quyền sở hữu căn phòng này và không có bất cứ yêu cầu nào đối với căn phòng này chỉ đề nghị công nhận chủ quyền cho người đang sử dụng hợp pháp đó là ông Nguyễn Đức K sinh ngày 12/07/1963-CMND số 022829266.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà Phùng Kim O là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Bùi Mạnh Trung và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Xuân Hiếu trình bày:

Ông Bùi Xuân Hiếu là cháu ruột của ông Phạm Tiến C7. Năm 2002 ông Phạm Tiến C7 có sang nhượng lại căn phòng 12- lầu 1 tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B cho ông Bùi Xuân H (*là chồng của bà O*). Căn phòng này có nguồn gốc là do Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho ông Đỗ Đức Ng nguyên là cán bộ của xí nghiệp, sau đó ông Ng đã sang nhượng lại căn phòng này cho ông Phạm Tiến C7.

Đến năm 2004 thì ông H và bà kết hôn và vợ chồng sinh sống tại căn phòng này từ đó cho tới nay. Trong thời gian sinh sống do nhà xuống cấp nên vợ chồng bà đã sửa chữa nhiều lần và lần cuối cùng gần đây nhất là hết tổng cộng 150.000.000 (*một trăm năm mươi triệu*) đồng. Hiện nay căn phòng này được ký hiệu là phòng số 16 (*theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/10/2007 do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập*).

Đối với vụ án này vợ chồng bà có ý kiến như sau: Gia đình bà đã sinh sống và sử dụng căn hộ ổn định từ năm 2002 đến nay nên yêu cầu được hóa giá nhà theo Nghị định 61 của Chính phủ ban hành để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ông Phạm Tiến C7 có bà Phùng Kim O là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đỗ Đức Ng là nhân viên của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, ngày 24/4/1992 ông Nghĩa được Xí nghiệp cấp cho căn phòng số 12 – lầu 1 tại nhà 443 HBT theo theo quyết định số 39/TC ngày 24/4/1992, căn phòng này đến nay được ký hiệu là phòng số 16 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*).

Ngày 01/04/2002, ông Đỗ Đức Ng có sang nhượng lại căn phòng này cho ông Phạm Tiến C7, ngày 15/4/2002 ông Ng đã sang nhượng lại căn phòng này cho cháu ruột là ông Bùi Xuân H (*chồng của bà O*).

Với tư cách đại diện cho ông Phạm Tiến C7, bà xác định ông C7 không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan với căn phòng này, ông C7 không có bất cứ yêu cầu gì và chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ông Bùi Xuân H và bà Phùng Kim O được toàn quyền sử dụng và sở hữu căn phòng và để ông Bùi xuân Hiếu và bà Phùng Kim O được hợp thức hóa căn phòng để sử dụng ổn định lâu dài.

Tại biên bản lấy khai ngày 06/01/2015 ông Bùi Xuân H và bà Phạm Thị Băng cùng thống nhất trình bày:

Ông bà đến ở cùng với con trai là Bùi Xuân H tại nhà 443 HBT phòng số 16 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) từ năm 2013. Căn phòng này do con trai của ông bà là Bùi Xuân H mua của ông Phạm Tiến C7, tiền bạc để mua và chi phí sửa chữa nhà là do ông H bỏ ra, ông bà không bỏ ra bất cứ khoản nào cả mà chỉ đến ở cùng với con.

Đối với vụ án này ông bà không có bất cứ yêu cầu gì chỉ đề nghị mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này giải quyết cho vợ chồng ông H, ông bà không có quyền lợi gì đối với căn phòng này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Hư có bà Mai Thị Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hư là cháu của bà Mai Thị Ng, nguyên trước đây bà Hư có đến ở cùng bà Ng nên có đăng ký tạm trú tại nhà 443 HBT. Tuy nhiên từ rất lâu bà Hương thực tế đã không còn ở tại nhà 443 HBT nhưng chưa làm thủ tục báo địa phương để cắt tạm trú. Với vụ án này bà Hư không có quyền lợi nghĩa vụ gì và cũng không có bất cứ yêu cầu gì.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Lê Thu LY với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Lê Anh M - Lê Hồng H2 - Lê Quang M và cũng là đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Mỹ H trình bày:

Tháng 01/1989 ông vào công tác tại Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3, tháng 7 năm 1989 ông được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 phân cho ông và ông Vũ Nguyên H2 căn phòng số 7 tầng trệt nhà 443 HBT (*tức là phòng số 11 theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/11/2007 do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập*). Tuy nhiên một thời gian sau ông H2 lấy vợ, việc sinh hoạt chung rất bất tiện nên ông có xin phép cơ quan tự bỏ chi phí xây dựng 01 phòng tại ga ra ô tô nhà 443 HBT (*nay ký hiệu là phòng số 4 theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/11/2007 do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập*). Lãnh đạo của cơ quan có đồng ý bằng miệng, ông đã xây dựng được 01 phòng (*01 trệt và 01 gác*) tổng diện tích khoảng 40m² tại ga ra để làm nơi sinh sống, tổng chi phí xây dựng khoảng 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, từ đó đến nay gia đình ông cư ngụ tại căn phòng số 04 nói trên. Ngày 03/6/2015 gia đình ông bắt đầu sửa chữa căn phòng này thêm để sử dụng; cụ thể cải tạo lại toàn bộ căn phòng với kinh phí 120.000.000 đồng. Tổng chi phí sửa chữa xây dựng là 150.000.000 đồng + 120.000.000 đồng = 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng, chi phí này do vợ chồng ông tự bỏ ra.

Đối với vụ án này ông với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, ông không đồng ý trả nhà. Cá nhân ông và những người trong gia đình ông chỉ có một yêu cầu là cho vợ chồng ông được hóa giá căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 của Chính phủ để gia đình có thể yên tâm và ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 10/12/2013 bà Lê Thị M2 và ông Hà Đức M là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người giám hộ cho các trẻ Hà Ngọc Minh, Hà Minh Q cùng thống nhất trình bày:

Ông Hoàng Phúc Th là bác ruột, năm 2001 ông Hoàng Phúc Th chuyển gia đình về sinh sống tại TB nên ông Th đã nhờ vợ chồng ông (Hà Đức M – Lê Thị M2) đến ở tại 3 căn phòng của ông Th tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B được ký hiệu là số 15 (theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/11/2007 do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập) để trông nhà giúp ông Th. Vì vậy từ năm 2001 vợ chồng ông dọn đến ở tại 03 căn phòng của ông Th tại nhà 443 HBT cho đến nay.

Hiện tại 3 phòng có những người đang cư trú gồm :

- 1/ Ông Hà Đức M, sinh năm 1957 (Chồng).
- 2/ Bà Lê Thị M2, sinh năm 1967 (vợ).
- 3/ Trẻ Hà Ngọc Minh , sinh năm 2000 (con).
- 4/ Trẻ Hà Anh Q, sinh năm 2008 (con).

Quá trình vợ chồng ông sinh sống ở đây không bỏ ra bất cứ chi phí nào để sửa chữa. Vợ chồng ông chỉ là người giữ nhà dùm ông Hoàng Phúc Th vì vậy không có tranh chấp bất kỳ vấn đề nào đối với 03 căn phòng đang sử dụng. Đối với vụ án này vợ chồng ông không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Ngoài ra bà Lê Thị M2 với tư cách là chủ Cơ sở kinh doanh A Q trình bày thêm:

Năm 2009 bà có đứng tên xin đăng ký hộ kinh doanh cá thể mang tên AQ tại nhà 443 HBT với chức năng chính là làm khung hình. Đến năm 2010 do làm ăn thua lỗ nên bà đã ngưng hoạt động hộ kinh doanh từ đó cho đến nay. Việc ngưng hoạt động bà chỉ báo cơ quan thuế chứ chưa báo cho Ủy ban nhân dân quận B. Với tư cách là chủ hộ kinh doanh AQ bà xác định:

1/ Hộ kinh doanh AQ đã ngưng hoạt động từ năm 2010 cho đến nay.

2/ Đối với vụ án này hộ kinh doanh AQ không có bất cứ yêu cầu gì liên quan đến vụ án.

Tại bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông bà ông Trần Khánh S1, Phạm Thị Phương D, Trần Thị Quỳnh A cùng thống nhất trình bày :

Chúng tôi có thuê căn phòng ký hiệu số 11 (theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/11/2007 do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập) của ông Hoàng Trung Th theo hình thức thuê hàng tháng và tháng nào trả tiền tháng đó. Trong thời gian

thuê chúng tôi không bỏ ra bất cứ chi phí nào để sửa chữa, vì vậy đối với vụ án này chúng tôi không liên quan và không có bất cứ yêu cầu gì.

Chúng tôi đề nghị tòa án không đưa chúng tôi vào tham gia tố tụng trong vụ án này, trong trường hợp nếu có đưa chúng tôi vào tham gia tố tụng thì chúng tôi đề nghị Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt chúng tôi.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Hà Hồng H7 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Hà Quang L, Hà Quang M và cũng là đại diện theo ủy quyền của các bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh trình bày:

Ông Phạm Đình Th nguyên là cán bộ của Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3. Năm 1990, ông Thanh được xí nghiệp phân cho 02 căn phòng (*một phòng tại tầng một và một phòng ở trệt*) theo quyết định số 210/TC ngày 06/11/1990, do khi nhận phòng thì phòng ở trệt ông Trần Đình H2 đang chiếm sử dụng nên ông Th được bố trí sử dụng 02 phòng ở lầu 01 đối diện, hiện nay 02 phòng này được ký hiệu số 14 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*).

Ông Th sử dụng đến năm 1993 thì sang nhượng lại quyền sử dụng 02 căn phòng này cho bà Đào Thị Th, việc sang nhượng 02 bên có làm giấy tay. Sau khi sang nhượng, do chị gái của bà Th là bà Đào Thị M chưa có chỗ ở nên bà Th đã cho bà Minh 02 căn phòng này, quá trình sử dụng do nhà xuống cấp bà M đã bỏ ra chi phí để sửa chữa.

Các hạng mục sửa chữa như: Làm lại sàn nhà, lắp cửa kính, đóng lại trần nhà, làm nhà vệ sinh, bếp, đi lại hệ thống điện nước, sơn lại tường.

Tổng giá trị sửa chữa khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, chi phí sửa chữa nhà do một mình bà M bỏ ra ngoài ra không có ai bỏ ra thêm khoản chi phí nào cả.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị HJ nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, ông không đồng ý trả nhà. Cá nhân ông và những người trong gia đình ông chỉ có một yêu cầu duy nhất là cho bà M được hóa giá căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để gia đình có thể yên tâm và ổn định cuộc sống.

Việc mua bán sang nhượng giữa ông Phạm Đình Th với bà Đào Thị Th và việc tặng nhà giữa bà Th với bà M là hoàn toàn tự nguyện nên các bên

cùng tự chịu trách nhiệm, đề nghị Tòa không xem xét đối với các giao dịch này trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Lê Quang Q1 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Lê Nguyên Phi X – trẻ Lê Như Ng và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết Th trình bày:

Căn phòng số 08 trong căn nhà 443 HBT (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007) có nguồn gốc là do Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho ông Vũ Văn D (là cán bộ của Xí nghiệp) theo quyết định số 209/TC ngày 06/11/1990. Ngày 15/4/1992 ông D sang nhượng căn hộ này lại cho ông Lã Quang Hy, việc sang nhượng hai bên có lập giấy tay. Đến năm 1992 thì ông Lã Quang Hy sang nhượng căn phòng này lại cho ông và gia đình ông đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay, việc sang nhượng căn phòng giữa ông Lã Quang Hy với ông chỉ bằng giấy tay.

Do căn phòng xuống cấp trầm trọng nên ông phải xây dựng sửa chữa lại để sử dụng. Các hạng mục sửa chữa gồm làm lại cửa mới, làm lại gác, đóng la phong, ốp gạch xung quanh tường. Tổng giá trị sửa chữa khoảng 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, chi phí này do vợ chồng ông bỏ ra.

Đối với vụ án này, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, ông không đồng ý trả nhà. Vợ chồng ông và gia đình chỉ có một yêu cầu duy nhất là cho vợ chồng ông được hóa giá căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để gia đình có thể yên tâm và ổn định cuộc sống.

Hiện nay ông không biết ông Vũ Văn D, ông Lã Quang Hy đang cư trú ở đâu cũng như thông tin về ông D ông Hy nên không thể cung cấp được địa chỉ, thông tin của ông D ông Hy cho tòa. Ông cho biết việc mua bán căn hộ giữa ông D và ông Hy và giữa ông Hy với ông là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên ông tự chịu trách nhiệm đối với việc mua bán này, ông không có yêu cầu gì đối với ông Hy và ông D và cũng không yêu cầu tòa án giải quyết việc chuyển nhượng mua bán giữa ông D và ông Hy và giữa ông Hy với ông trong vụ án này. Nếu việc giải quyết ảnh hưởng đến quyền lợi của ông thì ông sẽ khởi kiện ông Hy ông D trong một vụ án khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị DU có bà Nguyễn Thị Thùy Tr đại diện trình bày:

Năm 1990 Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho ông Trần Đình Huê là cán bộ của xí nghiệp 01 phòng ở ga ra ô tô phía trước mặt tiền nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H theo Quyết định số 202/TC ngày 6-11-1990, hiện nay căn phòng này ký hiệu là phòng số 13 (theo bản vẽ do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007). Vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ngày 15/02/1998 ông Trần Đình H2 đã sang nhượng căn phòng này lại cho con của bà là Nguyễn Thị Du với giá là 15 lượng vàng, việc sang nhượng hai bên chỉ lập giấy tay.

Khi nhận sang nhượng, căn phòng này chỉ có bức tường chắn ngang, sau khi mua, bà Du đã sửa chữa rất nhiều hạng mục để có hiện trạng như ngày nay. Các hạng mục sửa chữa gồm: Làm lại nền, thay cửa kính, đi lại điện nước, sơn quét lại tường, sửa chữa công trình vệ sinh, làm lại mái nhà. Tổng chi phí sửa chữa khoảng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng chi phí này do cá nhân bà Du bỏ ra.

Hiện nay căn phòng này không có ai cư trú, bà Du sử dụng căn phòng này làm nơi bán hàng, cửa hàng này có tên Ngọc 443 do bà Du làm chủ và đứng tên kinh doanh.

Bà Du mua căn phòng này và mở tiệm kinh doanh Ngọc 443 đều trước thời điểm bà Du kết hôn (bà Du kết hôn vào năm 2004). Tiền mua nhà và đầu tư kinh doanh đều là tiền cá nhân của bà Du.

Đối với vụ án này bà Du có ý kiến như sau: Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý bà Du không đồng ý trả nhà.

Đối với vụ án này bà Nguyễn Thị Du chỉ có yêu cầu là được hóa giá căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để ổn định kinh doanh. Việc mua bán sang nhượng căn phòng này giữa bà Du với vợ chồng ông H2 bà R2 là hoàn toàn tự nguyện, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nên bà Du đề nghị Tòa không xem xét giải quyết đối với hợp đồng mua bán mà hai bên đã ký kết trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Đức K với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Nguyễn Đặng Phương A và cũng là đại diện theo ủy quyền của các ông bà Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Đức Cường A trình bày: Vợ chồng ông hiện đang

quản lý sử dụng căn phòng số 09 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*). Căn phòng này có nguồn gốc là do Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho ông Trần Duy LJ là cán bộ của Xí nghiệp, ông LJ sử dụng được một thời gian thì sang nhượng lại cho bà Đào Thị Th cũng là cán bộ của Xí nghiệp. Đến năm 1991 thì bà Th đã sang nhượng lại quyền sử dụng căn phòng này cho ông và vợ chồng ông sử dụng từ đó cho đến nay.

Sau khi nhận sang nhượng từ bà Th, căn phòng xuống cấp trầm trọng, ông phải cải tạo sửa chữa rất nhiều hạng mục mới sử dụng được như hiện nay. Các hạng mục sửa chữa gồm: Làm lại bếp, nhà vệ sinh, làm lại gác xép, cửa, đi lại hệ thống điện nước. Tổng chi phí sửa chữa xây dựng khoảng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, chi phí này do vợ chồng ông bỏ ra.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình ông có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 (*sau đó đổi tên thành Xí nghiệp Chế biến Hạt Điều*) mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, ông không đồng ý trả nhà. Cá nhân ông và những người trong gia đình ông chỉ có một yêu cầu duy nhất là yêu cầu cho vợ chồng ông được hóa giá căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để gia đình có thể yên tâm và ổn định cuộc sống.

Việc sang nhượng mua bán căn phòng này giữa ông LJ với bà Th và giữa bà Th với ông là hoàn toàn tự nguyện, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nên ông đề nghị Tòa không xem xét giải quyết đối với hợp đồng sang nhượng mua bán mà hai bên đã ký kết trong vụ án này. Nếu việc giải quyết vụ án này có phát sinh tranh chấp giữa ông LJ, bà Th và ông thì ông sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải bà Đào Thị Hư với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện theo ủy quyền của các ông bà Võ Văn Q, Võ Văn D, Võ Văn H2, Trần Ngọc H trình bày:

Bà Đào Thị Th là nhân viên Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3, quá trình công tác, bà Th được Chi nhánh phân cho 01 căn phòng tại nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H. Hiện nay căn phòng này được ký hiệu là căn phòng số 03 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty dịch vụ công ích Q.B lập ngày 05/10/2007*), đến năm 1990, bà Th đã cho bà Đào Thị Hư là em gái căn

phòng này, việc tặng cho căn phòng này hai bên không lập giấy chỉ nói miệng và giao phòng, bà Hương đã quản lý sử dụng căn phòng này từ năm 1990 cho đến nay.

Do căn phòng đã xuống cấp trầm trọng nên từ năm 1990 đến nay bà Hư nhiều lần sửa chữa căn phòng để tiếp tục sử dụng. Các hạng mục sửa chữa gồm: Lót lại nền nhà, làm gác lửng, làm lại nhà vệ sinh, đi lại hệ thống điện nước. Tổng giá trị sửa chữa khoảng 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng.

Ngoài ra năm 1997 bà có mua lại căn phòng ký hiệu số 10 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) của ông Trần L. Ông L là cán bộ của Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu số 3 và được Chi nhánh phân căn phòng này theo giấy cấp nhà ở ngày 15/02/1982, việc sang nhượng 02 bên có lập giấy tay, sau khi mua căn phòng này, bà Hư giao cho con trai là Võ Văn H2 ở. Quá trình sử dụng do nhà xuống cấp trầm trọng nên bà Hương đã bỏ tiền ra sửa chữa rất nhiều hạng mục như lót lại nền nhà, làm gác lửng, làm lại nhà vệ sinh, đi lại hệ thống điện nước... Tổng chi phí sửa chữa căn phòng này là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Đến tháng 4/2015 thì bà có sửa chữa thêm 02 căn phòng này một lần nữa gồm các hạng mục lắp cửa kiếng, sơn mới, lót lại gạch nền nhà... chi phí sửa chữa thêm khoảng 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng.

Tổng cộng chi phí sửa chữa 02 căn phòng là 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng + 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng + 170.000.000 (Một trăm bảy mươi triệu) đồng = 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng, chi phí này chỉ do bà Hư bỏ ra, ngoài ra không có ai bỏ ra khoản chi phí nào cả.

Đối với vụ án này, với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện cho gia đình bà có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, bà không đồng ý trả nhà. Bà và gia đình thống nhất chỉ có 01 yêu cầu là yêu cầu được hóa giá 02 căn phòng đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để ổn cuộc sống gia đình.

Việc tặng cho, sang nhượng liên quan đến 02 phòng nói trên giữa bà Th với bà và giữa bà với ông Trần L là hoàn toàn tự nguyện, các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ nên bà đề nghị Tòa không xem xét giải quyết đối với hợp đồng tặng cho, sang nhượng mà các bên đã ký kết trong vụ án này. Nếu việc giải quyết vụ án này có phát sinh tranh chấp giữa và với bà Th, giữa bà với ông Trần L thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai bà Nguyễn Hà T với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Võ Tr, Trần An Bình, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B, Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 04/02/1986, bà Mai Thị Ng được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho 01 căn phòng tại nhà 443 HBT theo Quyết định số 22/TC - HCQT ngày 04/02/1986, hiện nay, căn phòng được ký hiệu số 02 (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích quận B lập ngày 05/10/2007). Đến ngày 30/05/1992 do nhu cầu nhà ở bà Nga đã sang nhượng căn phòng này lại cho bà và vợ chồng bà đã sử dụng từ đó cho đến nay. Quá trình sử dụng vợ chồng bà có bỏ ra chi phí khoảng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng để sửa chữa nhà, các hạng mục sửa chữa gồm: Làm thêm gác lửng, sửa la phong, nhà tắm và lát lại nền nhà, kết cấu nhà vẫn giữ nguyên. Chi phí sửa nhà do vợ chồng bà bỏ ra.

Đối với vụ án này với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện cho gia đình bà có ý kiến như sau:

Căn nhà 443 HBT đã được Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mua của bà Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H nên việc nguyên đơn đòi lại nhà là bất hợp lý, bà không đồng ý trả nhà.

Việc mua bán căn phòng số 02 giữa bà với bà Mai Thị Ng là hoàn toàn tự nguyện nên bà tự chịu trách nhiệm đối với việc mua bán này, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán và chuyển nhượng giữa bà với bà Ng trong vụ án này. Nếu phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Bà và gia đình thống nhất chỉ có một yêu cầu duy nhất là yêu cầu được hóa giá căn phòng số 02 đang sử dụng theo nghị định 61 Chính phủ để ổn cuộc sống gia đình. Nếu việc giải quyết vụ án này có phát sinh tranh chấp giữa bà Ng với bà thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, biên bản lấy khai ông Mai Văn K trực tiếp trình bày và tại biên bản hòa giải ông Mai Văn K có bà Mai Thị Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 11 năm 1990 ông Khanh được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 bố trí vào ở phòng tập thể tại nhà 443 HBT, Quận B cùng với các ông: Mai Thành C1, Lê Thu LY, Trần Văn V, Vũ Tá Đ, tuy nhiên do cơ quan chưa sắp xếp được phòng cho ông K nên ông đã xin phép lãnh đạo Xí nghiệp cải tạo lại một phần gara nhà 443 HBT thành một phòng để ở và đã được cơ quan đồng ý bằng miệng. Ông đã bỏ chi phí cải tạo thành một căn phòng và hiện nay căn phòng này được ký hiệu là phòng số 05 (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007).

Sau khi xây dựng, sửa chữa xong ông đã ở tại căn phòng này, đến tháng 5 năm 1994 ông đã cho chị gái là bà Mai Thị Ng căn phòng này để làm nơi sinh sống. Vì chị em nên ông tặng cho bà Ng mà không nhận của bà Ng bất cứ khoản tiền nào cả, việc tặng cho bà Ng ông có viết giấy cho nhà đề ngày 25/05/1994 giấy này hiện bà Ng đang giữ.

Nay ông xác định đã tặng cho bà Ng căn phòng này nên ông không còn bất cứ quyền lợi gì liên quan đến căn phòng này, mặc dù có bỏ ra chi phí sửa chữa xây dựng nhưng ông K không yêu cầu hoàn trả chi phí xây dựng mà ông đã bỏ ra. Mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, ông K đề nghị giải quyết cho bà Ng được hưởng.

Theo ông Kh thì việc tặng cho nhà giữa ông với bà Ng là hoàn toàn tự nguyện và đã thực hiện xong nên hai bên tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch này, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tặng cho giữa ông K với bà Ng trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2015 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V và bà Vũ Thị Ngọc Hư cùng thống nhất trình bày:

Ngày 17/03/2002 ông bà có bán cho vợ chồng ông Nguyễn Văn TrJ phần diện tích được sử dụng tại nhà 443 HBT theo như giấy mà ông TrJ đã nộp cho tòa.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2015 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Nguyên H2 có ông Vũ Nguyên Ngọc H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên trước đây ông Vũ Nguyên H2 là nhân viên của Xí nghiệp Lâm đặc sản Xuất khẩu số 3. Vào năm 1990 ông H2 được Xí nghiệp phân cho căn 01 phòng căn phòng tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B để ở, ông H2 sử dụng căn phòng này cho đến ngày 27/04/1993 thì ông H2 đã sang nhượng lại cho ông Hoàng Trung Tú1 (*cũng là nhân viên Xí nghiệp*). Căn phòng mà ông H2 được phân và sang nhượng lại cho ông Tú1 hiện nay là căn phòng ký hiệu số 11 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 09/10/2007*), vì đã sang nhượng căn phòng này cho ông Tú1 nên ông xác định đến nay ông H2 không có quyền lợi gì đối với căn phòng này.

Với tư cách đại diện cho ông H2, ông xác định:

1/ Ông H2 không có bất cứ yêu cầu gì đối với vụ án này vì đã sang nhượng nhà.

2/ Đối với việc sang nhượng nhà giữa ông H2 và ông Tú1 đây là hoàn toàn tự nguyện và hai bên đã tự giải quyết xong nên tự chịu trách nhiệm, vì vậy

đề nghị Tòa án không giải quyết đối với hợp đồng sang nhượng nhà ngày 27/04/1993 mà hai bên đã ký kết trong vụ án này.

3/ Vụ án này ông H2 không có yêu cầu gì vì vậy đề nghị Tòa án không đưa ông Vũ Nguyên H2 vào tham gia tố tụng. Nếu trường hợp tòa án vẫn đưa ông Hùng vào tham gia tố tụng thì đề nghị tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt ông Hùng.

Tại bản tự khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình Th trình bày:

Ông là cán bộ của Xí nghiệp đặc sản Xuất khẩu số 3, ngày 06/11/1990 ông được Xí nghiệp phân cho 02 phòng tại nhà 443 HBT để làm chỗ ở (*01 phòng ở tầng trệt, 01 phòng ở lầu 1*), tuy nhiên thực tế khi nhận nhà thì lại nhận 02 phòng đối diện nhau ở lầu 1 (*theo bản vẽ hiện trạng ngày 05/10/2007 thì hai phòng này hiện được ký hiệu số 14 hiện do bà Đào Thị M đang sử dụng*).

Ngày 22/02/1993, ông nhượng quyền sử dụng 02 căn phòng này cho bà Đào Thị T6 với giá 56.840.000 (Năm mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn) đồng và giao cho bà T6 toàn quyền sử dụng 02 căn phòng này kể từ ngày 22/02/1993.

Đối với vụ án này ông có ý kiến như sau:

1/ Ông đã nhượng quyền sử dụng 02 căn phòng này cho bà Đào Thị T6 vì vậy ông không có quyền lợi gì liên quan đối với 02 căn phòng này nữa.

2/ Việc sang nhượng giữa 02 bên ông và bà T6 là hoàn toàn tự nguyện nên ông tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu Tòa án xem xét lại việc chuyển nhượng 02 bên đã thực hiện trong vụ án này.

3/ Mọi quyền lợi liên quan đến 02 căn phòng này bà T6 được hưởng.

4/ Đối với vụ án này ông không có bất cứ yêu cầu gì, vì vậy đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Nếu trường hợp Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng thì ông đề nghị Tòa án hòa giải xét xử vắng mặt ông vì hiện nay ông đã già yếu không đi lại được.

Tại bản tự khai ông Đỗ Huy Ho là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Đức Nghĩa trình bày:

Bố tôi là Đỗ Đức Ng sinh năm 1966, mẹ tôi là Võ Thị Tro, sinh năm 1965, bố mẹ tôi chỉ có duy nhất một người con là tôi (Đỗ Huy Ho).

Năm 2008, bố tôi mất, hiện nay, ông nội của tôi cũng đã chết, bà nội là bà Trần Thị Ngọ còn sống. Theo quy định pháp luật thì hàng thừa kế thứ nhất của bố tôi hiện có:

1/ Bà nội : Trần Thị Ngọ.

2/ Mẹ : Võ Thị Tro.

3/ Con : Đỗ Huy Ho.

Hiện nay bà nội và mẹ của tôi đã già yếu, khó đi lại nên tôi thay mặt gia đình đến tòa án làm việc.

Đối với vụ án này, thay mặt gia đình tôi xin trình bày: Bố tôi Đỗ Đức Ng được Xí nghiệp Đặc sản Xuất khẩu số 3 cấp cho căn phòng số 16 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 09/10/2007*). Đến ngày 13/02/2002 bố tôi đã bán căn nhà này cho ông Phạm Tiến C với giá 95.000.000 (Chín mươi lăm triệu) đồng, việc mua bán của bố tôi và ông C là tự nguyện nên tôi đề nghị tòa án giải quyết mọi chế độ cho người đang thực tế trực tiếp quản lý sử dụng căn phòng này.

Đối với hợp đồng mua bán mà bố tôi đã ký kết với ông Phạm Tiến C là tự nguyện của hai bên nên đề nghị tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Đối với vụ án này hiện nay gia đình tôi không có quyền và nghĩa vụ gì liên quan nên đề nghị tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25/7/2014 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hi trình bày:

Ngày 11/06/2009 bà được Phòng kinh tế quận B cấp giấy phép hộ kinh doanh ca thê tại nhà 443 HBT với tên hộ kinh doanh ĐH bà sử dụng căn phòng của mẹ bà (*là bà Đào Thị Hư*) tại nhà 443 HBT để làm nơi giao dịch mua bán hoa giả, đến năm 2011 bà ngưng kinh doanh vì hoạt động không hiệu quả. Hiện nay bà không còn kinh doanh tại nhà 443 HBT, tuy nhiên chưa làm thủ tục ngưng hoạt động kinh doanh với Phòng kinh tế quận B. Bà chỉ là người mượn một phần nhà của mẹ để sử dụng và đến nay cũng không còn sử dụng nữa.

Đối với vụ án này với tư cách là chủ hộ kinh doanh ĐH bà xác định không có bất kỳ yêu cầu gì đối với vụ án, vì vậy bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Trong trường hợp Tòa án vẫn đưa vào tham gia tố tụng thì bà đề nghị Toàn án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 06/3/2014 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giang Yến Th trình bày:

Ngày 01/04/2013 bà có thuê mặt bằng của ông Bùi Hồng H con của bà Trịnh Minh Ph với diện tích 3,6 x 4,7 m để làm mặt bằng kinh doanh (*tại nhà 443 HB5, Phường T, Quận B*) với giá 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng, hiện bà là chủ cửa hàng này, tên gọi cửa hàng là hệ thống kinh doanh YT. Trong thời gian sử dụng mặt bằng bà không sửa chữa xây dựng gì thêm mà giữ nguyên hiện trạng như trong lúc thuê.

Nay đối với vụ án này bà chỉ yêu cầu duy nhất là được tiếp tục thuê mặt bằng theo như hợp đồng đã ký và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định chung của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án nếu giữa bà và ông H có phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Đề nghị Tòa án không giải quyết hợp đồng thuê nhà giữa bà với ông H trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2015 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Mạnh T1 chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương Mại VQ trình bày:

Năm 2002, ông có làm thủ tục xin phép thành lập Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ, đặt trụ sở tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B với ngành nghề kinh doanh mở - nhót đóng hộp, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp giấy phép kinh doanh. Kinh doanh được một thời gian thì không hiệu quả nên ông đã chấm dứt hoạt động doanh nghiệp này, tuy nhiên do bận công việc nên ông chưa làm thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H. Nay với tư cách chủ doanh nghiệp ông xác định:

1/ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ thực tế không còn đặt trụ sở hoạt động tại nhà 443 HBT từ năm 2005 (vì doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động).

2/ Xác định trong vụ án này, Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ không có bất cứ quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan.

3/ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ không có bất cứ yêu cầu gì đối với vụ án nên đề nghị Tòa án không đưa Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ vào tham gia tố tụng.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy khai, biên bản hòa giải Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng QH có ông Hà Hồng H7 đại diện trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng QH hiện có đặt trụ sở hoạt động tại nhà 443 HBT, trong thời gian hoạt động Công ty không bỏ ra khoản chi phí sửa chữa xây dựng nào, Công ty chỉ lấy địa chỉ 443 HBT để làm điểm đăng ký kinh doanh. Đối với vụ án này công ty không có bất cứ yêu cầu gì.

Tại bản tự khai ngày 13/11/2014 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại – Dịch vụ TN có ông Nguyễn Đan Tr2 đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông Nguyễn Đan Tr2 xác định ông là người đại diện pháp luật công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ TN (sau đây gọi tắt là Công ty TN). Nguyên vào năm 2008 ông có thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ TN và đăng ký trụ sở hoạt động tại nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H, đến năm 2009 thì Công ty dời địa điểm không còn đặt

trụ sở tại nhà 443 HBT. Tuy nhiên do bận rộn nhiều công việc nên ông chưa làm thủ tục đăng ký thay đổi trụ sở với Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H.

Nay với tư cách là đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ TN, ông xác định :

1/ Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ TN hiện không còn đặt trụ sở tại số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

2/ Đối với vụ án này Công ty TN không liên quan nên không có bất cứ yêu cầu gì. Đề nghị Tòa án không đưa công ty TN vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Trong trường hợp Tòa án vẫn đưa công ty TN vào tham gia tố tụng thì Công ty TN đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa :

Bà Trương Hằng N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trương Ngọc Á và đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H trình bày:

- Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ và những người đang quản lý, sử dụng, cư trú tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H phải có nghĩa vụ liên đới trả lại toàn bộ căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho các nguyên đơn và các đồng thừa kế.

- Đối với chi phí sửa chữa xây dựng, để thuận lợi cho việc giải quyết vụ án, với tư cách là đại diện cho nguyên đơn Trương Ngọc Á và cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, bà đề nghị Tòa án công nhận phần chi phí sửa chữa xây dựng mà các đương sự đã liệt kê ở trên. Nguyên đơn không yêu cầu định giá chiết tính đối với phần các đương sự đã sửa chữa xây dựng, đồng ý với mức giá chi phí sửa chữa xây dựng mà các đương sự đã đưa ra và đề nghị Tòa án nhân dân quận 3 căn cứ vào mức giá này để xác định chi phí sửa chữa xây dựng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

- Mặc dù pháp luật không qui định, tuy nhiên để tạo điều kiện cho các hộ gia đình có điều kiện ổn định cuộc sống khi phải trả nhà, cá nhân bà Trương Hằng NG tự nguyện hỗ trợ cho các cá nhân hộ gia đình đang cư trú tại nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H các khoản sau:

1/ Hộ gia đình bà Trịnh Thị Minh Ph được hỗ trợ tổng cộng 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Trịnh Thị Minh Ph chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà Ph đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Ph gồm (Trịnh Thị Minh Ph, Bùi Hồng H, Lê Hương J, Bùi MI, Bùi Hồng HI, Lê Nguyễn Thụy V, Bùi Lê Bảo Ng, Bùi Lê Bảo Tr) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

2/ Hộ gia đình ông Hoàng Phúc Th được hỗ trợ tổng cộng 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho ông Hoàng Phúc Th và bà Vũ Thị Ng chi phí sửa chữa xây dựng là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng (đúng bằng mức mà ông Th đã kê khai).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Hoàng Phúc Th (gồm Hoàng Phúc Th, Vũ Thị Ng, Hàng Mạnh TI) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

3/ Hộ gia đình ông Hoàng Trung Thà được hỗ trợ tổng cộng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông Hoàng Trung Thà bà Nguyễn Ngọc Thùy Tr 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng chi phí sửa chữa xây dựng (đúng bằng mức mà ông Thà đã kê khai).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Hoàng Trung Thà (gồm Hoàng Trung Thà, Nguyễn Ngọc Thùy Tr, Hoàng Minh ĐI, Hoàng Khánh Ng) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

4/ Bà Mai Thị Ng được hỗ trợ tổng cộng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Mai Thị Ng chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng (đúng bằng mức mà bà Nga đã kê khai).

- Hỗ trợ cho bà Mai Thị Ng chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

5/ Hộ gia đình ông Nguyễn Văn TrJ được hỗ trợ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông TrJ bà Th1 chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng (đúng bằng mức mà ông TrJ, bà Th1 đã kê khai).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn TrJ (gồm Nguyễn Văn TrJ, Phạm Thị Như Th1, Nguyễn Thành Tr, Nguyễn Nam KhI) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

6/ Hộ gia đình ông Trịnh Quốc C6 được hỗ trợ 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông C6 bà Kh chi phí sửa chữa xây dựng là: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng (đúng bằng mức mà ông C6 đã kê khai).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Trịnh Quốc C6 (gồm *Trịnh Quốc C6, Ngô Thị Kh, Trịnh Quốc C2, Trịnh Quốc Thj*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

7/ Hộ gia đình bà Lê Thị R2 được hỗ trợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Lê Thị R2 chi phí sửa chữa xây dựng là: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng (*bằng mức mà ông H7 đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Lê Thị R2 (gồm *Lê Thị R2, Trần Thị T S, Trần Đình H7, Trần Đình H2, Lê Thị Kim Y, Phan Văn Tj, Lê Minh Đ1, Lê Chí D7, Vũ Thị Tố T8, Trần Diễm Qu, Trần Quỳnh Gi*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

8/ Hộ gia đình ông Bùi Xuân H1 được hỗ trợ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông Bùi Xuân H1 bà Phùng Kim O chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà O đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Bùi Xuân H1 (gồm *Bùi Xuân H1, Phùng Kim O, Bùi Mạnh Tr, Bùi Xuân H7, Phạm Thị B8*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

9/ Hộ gia đình ông Lê Thư Ly được hỗ trợ 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông Lê Thư Ly bà Nguyễn Mỹ H chi phí sửa chữa xây dựng là: 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng (*bằng mức mà ông Ly đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Lê Thư Ly (gồm *Lê Thư Ly, Nguyễn Mỹ H, Lê Anh M, Lê Hồng H2, Lê Quang M*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

10/ Hộ gia đình bà Đào Thị M được hỗ trợ 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Đào Thị M chi phí sửa chữa xây dựng là: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà M đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà M (gồm *Đào Thị M, Hà Hồng H, Bùi Thị Nh, Hà Quang L, Hà Quang M*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

11/ Hộ gia đình ông Lê Quang Qu được hỗ trợ 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông Lê Quang Qu bà Nguyễn Thị Tuyết T chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng (*đúng bằng mức mà ông Qu đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Lê Quang Qu (*gồm Lê Quang Qu, Nguyễn Thị Tuyết T, Lê Như Ng, Lê Nguyên Phi X*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

12/ Bà Nguyễn Thị Du được hỗ trợ 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng; gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Du chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà Dung đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho bà Du chi phí di dời và ổn định địa điểm kinh doanh mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

13/ Hộ gia đình ông Nguyễn Đức K được hỗ trợ 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng ông Nguyễn Đức K bà Đặng Thị Hồng H chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 đồng (*đúng bằng mức mà ông Kiên đã kê khai*).

- Hỗ trợ hộ gia đình ông Nguyễn Đức K (*gồm Nguyễn Đức K, Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Đức Cường A, Nguyễn Đặng Phương A*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

14/ Hộ gia đình bà Đào Thị Hư được hỗ trợ 630.000.000 (Sáu trăm ba mươi triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho bà Hư chi phí sửa chữa xây dựng là: 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà Hư đã kê khai*).

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Đào Thị Hư (*gồm Đào Thị Hư, Võ Văn Qu, Võ Văn DJ, Võ Văn H, Trần Ngọc H, Võ Ngọc Hồng Đ*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

15/ Hộ gia đình bà Nguyễn Hà T được hỗ trợ 350.000.000 (Ba trăm năm mươi triệu) đồng gồm các khoản sau:

- Hỗ trợ cho vợ chồng bà T ông Tr chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng (*đúng bằng mức mà bà T đã kê khai*).

- Hỗ trợ hộ gia đình bà Nguyễn Hà T (*gồm Nguyễn Hà T, Võ Tr, Trần An Bình, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B, Nguyễn Thị Ng*) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Hằng Ng trình bày: Xác định việc nguyên đơn trình bày về nguồn gốc tài sản, hàng thừa kế và việc cho mượn tài sản như trên là đúng sự thật. Đề nghị tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Ngọc A có bà Trương Hằng Ng đại diện theo ủy quyền trình bày: Xác định việc nguyên đơn trình bày về nguồn gốc tài sản, hàng thừa kế và việc cho mượn tài sản như trên là đúng sự thật. Đề nghị tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Trịnh Thị Minh Ph với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Bùi Hồng H, Lê Hương Gi, Bùi Hồng H, Lê Nguyễn Thụy V trình bày:

Xác định tổng chi phí mà vợ chồng bà đã bỏ ra để cải tạo, sửa chữa, xây dựng sau khi được phân phòng là khoảng 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không đồng ý trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình bà đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Với tư cách đại diện cho ông Bùi Hồng H bà xác định: Về hợp đồng thuê nhà mà ông Bùi Hồng H đại diện gia đình bà đã ký hợp đồng với bà Giang Yến T cho bà T thuê căn phòng số 06 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) đây là sự tự thỏa thuận của hai bên và hai bên khi ký hợp đồng đã biết rõ về pháp lý của căn phòng vì vậy hai bên đã tự thỏa thuận là tự giải quyết, vì vậy trong trường hợp việc giải quyết vụ án này có ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên thì hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng thuê nhà này. Bà đề nghị tòa không đưa hợp đồng thuê nhà này vào giải quyết trong vụ án này.

Ông Hoàng Phúc Th1 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Vũ Thị Ng, Hoàng Mạnh T1 trình bày:

Xác định tổng chi phí mà vợ chồng ông đã bỏ ra để cải tạo, sửa chữa, xây dựng sau khi được phân phòng khoảng 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Th có bà Đào Thị Hư đại diện theo ủy quyền trình bày:

Xác định bà Đào Thị T có cho bà Đào Thị M là chị gái 02 căn phòng tại nhà 443 hbt ký hiệu số 14 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)*. Hai căn phòng này bà T nhận chuyển nhượng lại từ ông Phạm Đình Th.

Xác định bà T có cho bà Đào Thị Hư 01 căn phòng tại nhà 443 HBT, nay căn phòng được ký hiệu là số 03 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)*. Căn phòng này bà T được phân nhưng chưa được nhận quyết định.

Xác định có sang nhượng lại cho ông Nguyễn Đức K 01 căn phòng tại tầng trệt, nay căn phòng được ký hiệu là phòng số 09 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)*. Căn phòng này bà mua lại của ông Trần Duy LJ.

Xác định không tranh chấp gì liên quan đến các căn phòng đã nêu trên đối với những người đang quản lý sử dụng. Mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, bà T đề nghị giải quyết cho những người đang trực tiếp quản lý sử dụng

Xác định việc bà T nhận sang nhượng nhà từ ông Phạm Đình Th và bà T tặng nhà cho bà M, bà Hư và sang nhượng cho ông K là hoàn toàn tự nguyện. Trước khi thực hiện các giao dịch, các bên đã tự tìm hiểu về pháp lý và cam kết tự giải quyết khi có tranh chấp, đến nay hai bên đã thực hiện xong nghĩa vụ, vì vậy trong vụ án này bà T không yêu cầu tòa xem xét giải quyết đối với các hợp đồng giao dịch này. Nếu việc giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền lợi của mình liên quan đến các hợp đồng này thì bà sẽ tự thỏa thuận giải quyết với ông Th, bà M, bà Hư, ông K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Ng trình bày:

Bà xác định đã bỏ ra chi phí để sửa chữa căn phòng ký hiệu là 05 mà bà hiện đang ở *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)* với số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, bà đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc bà sang nhượng căn phòng số 02 *(theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007)* cho bà Nguyễn Hà T và việc ông Kh cho bà nhà là do tự nguyện của các bên và các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch đã thực hiện vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với

các các giao dịch này trong vụ án này. Việc giải quyết vụ án nếu phát sinh tranh chấp thì bà sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà T, ông Kh.

Ông Nguyễn Văn TrJ với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Nguyễn Nam Kh1 và cũng là đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Thành Tr trình bày:

Xác định tổng chi phí mà vợ chồng ông đã bỏ ra để cải tạo, sửa chữa, xây dựng phòng khoảng 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc vợ chồng ông nhận chuyển nhượng quyền sử dụng một phần căn phòng từ vợ chồng ông Trần Văn V là hoàn toàn tự nguyện của các bên và các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch đã thực hiện, vì vậy vợ chồng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch này trong vụ án này. Nếu giải quyết vụ án làm phát sinh tranh chấp thì vợ chồng ông tự thỏa thuận giải quyết với vợ chồng ông Trần Văn V.

Ông Trịnh Quốc C với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Ngô Thị Kh, Trịnh Quốc C, Trịnh Quốc ThJ trình bày:

Xác định tổng chi phí mà vợ chồng ông đã bỏ ra để cải tạo, sửa chữa, xây dựng sau khi được phân phòng khoảng 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Ông Trần Đình Hưng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Trần Diễm Quỳnh, Trần Quỳnh Giang và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông (bà) Lê Thị Rần, Trần Thị Thanh Sơn, Trần Đình Hà, Lê Thị Kim Yển, Phan Văn Toại, Lê Minh Đức, Vũ Thị Tố Tâm trình bày:

Xác định tổng chi phí ông Trần Đình H2 và bà Lê Thị R đã bỏ ra để cải tạo, sửa chữa, xây dựng sau khi được phân phòng khoảng 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc ông Trần Đình H2, bà Lê Thị R chuyển nhượng quyền sử dụng căn phòng số 13 cho bà Trần Thị D là hoàn toàn tự nguyện và các bên hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã thực hiện, vì vậy bà Lê Thị R và các con không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch này trong vụ án này. Nếu giải quyết vụ án làm phát sinh tranh chấp thì hai bên sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Bà Mai Thị Hư có bà Mai Thị Ng là đại diện theo ủy quyền trình bày:
Đề nghị giải quyết cho bà Mai Thị Ng được hóa giá nhà theo nghị định 61.

Ông Lê Thu LY với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Lê Anh M - Lê Hồng H2 - Lê Quang M và cũng là đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Mỹ Hạnh trình bày:

Xác định vợ chồng ông đã bỏ ra chi phí cải tạo, sửa chữa, xây dựng phòng khoảng 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Ông Hà Hồng H7 với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho các trẻ Hà Quang L, Hà Quang M và cũng là đại diện theo ủy quyền của các bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà bà Đào Thị M đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo 02 phòng là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc mua bán sang nhượng nhà giữa ông Phạm Đình Th với bà Đào Thị T và việc tặng cho nhà giữa bà T với bà M là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên bà M tự chịu trách nhiệm đối với giao dịch đã thực hiện, bà M không yêu cầu Tòa giải quyết các giao dịch này trong vụ án này. Nếu việc giải quyết vụ án

có phát sinh tranh chấp thì bà Minh tự giải quyết với bà T và ông Phạm Đình Th.

Ông Lê Quang Qu với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Lê Nguyên Phi X- trẻ Lê Như Ng và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà vợ chồng ông đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo phòng là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Hiện nay ông không biết ông Vũ Văn D, ông Lã Quang H đang cư trú ở đâu cũng như thông tin về ông D ông H nên không thể cung cấp được địa chỉ, thông tin của ông D ông H cho tòa. Ông cho biết việc mua bán căn hộ này giữa ông Vũ Văn D và ông Lã Quang H và giữa ông H với ông là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên ông tự chịu trách nhiệm giải quyết đối với việc mua bán này. Ông không yêu cầu tòa án giải quyết hậu quả của việc chuyển nhượng mua bán giữa ông với ông H trong vụ án này. Nếu việc giải quyết vụ án có ảnh hưởng đến quyền lợi của ông thì ông sẽ tự thương lượng giải quyết với ông H.

Bà Nguyễn Thị D có bà Nguyễn Thị Thùy Tr là đại diện trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà bà Nguyễn Thị D đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo phòng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này bà D đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc bà D nhận chuyển nhượng căn phòng này từ vợ chồng ông Trần Đình Huệ là hoàn toàn tự nguyện nên bà D tự chịu trách nhiệm đối với việc mua bán này. Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chuyển nhượng mua bán phòng giữa vợ chồng bà Lê Thị R với bà D trong vụ án này. Nếu việc giải quyết vụ án làm phát sinh tranh chấp giữa bà D với vợ chồng bà Lê Thị R thì bà D tự giải quyết.

Ông Nguyễn Đức K với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho trẻ Nguyễn Đăng Phương A và cũng là đại diện theo ủy quyền của các ông bà Đặng Thị Hồng HJ, Nguyễn Đức Cường A trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà vợ chồng ông đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo phòng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình ông đề nghị được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc mua bán chuyển nhượng căn phòng này giữa ông Trần Duy LJ với ông bà Đào Thị Thanh và giữa bà Thanh với ông là hoàn toàn tự nguyện nên nếu việc mua bán này phát sinh tranh chấp thì ông tự chịu trách nhiệm mà không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Bà Đào Thị Hư với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là đại diện theo ủy quyền của các ông bà Võ Văn Qu, Võ Văn D, Võ Văn H2, Trần Ngọc H trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà bà đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo 02 căn phòng là 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình bà yêu cầu được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc bà T tặng cho bà căn phòng và việc bà tự nguyện mua lại phòng của ông Trần L là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, hiện các bên đã giải quyết dứt điểm với nhau nên nếu có phát sinh tranh chấp đối với các giao dịch này thì bà tự giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này các giao dịch mà các các bên đã giao kết và thực hiện. Nếu việc giải quyết vụ án này có phát sinh tranh chấp giữa bà T, ông Trần LJ với bà thì bà tự giải quyết.

Bà Nguyễn Hà T với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cũng là người đại diện theo ủy quyền cho các ông bà Võ Tr, Trần Bình An, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B, Nguyễn Thị Ng trình bày:

Xác định chi phí sửa chữa xây dựng mà vợ chồng bà đã bỏ ra để sửa chữa cải tạo căn phòng là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Việc nguyên đơn đòi nhà là không có cơ sở nên không chấp nhận trả nhà vì nhà này đã được nguyên đơn bán cho bị đơn.

Đối với vụ án này, với tư cách là cá nhân và cũng là đại diện cho các thành viên trong gia đình bà yêu cầu được hóa giá nhà theo nghị định số 61 của Chính Phủ.

Việc mua bán căn phòng số 02 giữa bà với bà Mai Thị Ng là hoàn toàn tự nguyện nên bà tự chịu trách nhiệm đối với việc mua bán này. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc mua bán và chuyển nhượng giữa bà với bà Nga trong vụ án, việc giải quyết vụ án này nếu phát sinh tranh chấp thì sẽ bà tự giải quyết với bà Nga.

Ông Mai Văn Kh có bà Mai Thị Ng đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc tặng cho bà Ng căn phòng số 05 (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007*) ông có viết giấy cho nhà ngày 25/05/1994, giấy này hiện bà Ng đang giữ.

Nay ông xác định đã tặng cho bà Ng căn phòng này nên ông không còn bất cứ quyền lợi gì liên quan đến căn phòng này, mặc dù có bỏ ra chi phí sửa chữa xây dựng nhưng ông Kh không yêu cầu hoàn trả chi phí xây dựng mà ông đã bỏ ra. Mọi quyền lợi liên quan đến căn phòng này kể cả quyền sở hữu, ông Kh đề nghị giải quyết cho bà Ng.

Việc tặng cho nhà giữa ông Kh với bà Ng là hoàn toàn tự nguyện và hai bên đã thực hiện xong, ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tặng cho giữa ông Kh với bà Ng trong vụ án này. Việc giải quyết vụ án này nếu có phát sinh tranh chấp thì ông Kh tự giải quyết với bà Ng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng QH có ông Hà Hồng H7 là đại diện trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng QH hiện có đặt trụ sở hoạt động tại nhà 443 HBT. Trong thời gian hoạt động Công ty không bỏ ra khoản chi phí sửa chữa xây dựng nào, Công ty chỉ lấy địa chỉ 443 HBT để làm điểm đăng ký kinh doanh. Đối với vụ án này Công ty không có bất cứ yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 28 ngày 03/9/2015, của Tòa án nhân dân Quận B quyết định:

Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 35, Điều 62, Điều 199, khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng Dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2011).

Áp dụng khoản 3 Điều 4, Điều 13, Điều 14 Nghị quyết 58/1998/NQ – UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991.

Áp dụng điểm 10 mục I Thông tư liên tịch số 01/1999/TTLT – TANDTC–VKSNDTC ngày 25/01/1999 của Tòa án nhân dân Tối Cao và Viện

kiểm sát nhân dân Tối Cao (hướng dẫn áp dụng một số qui định tại Nghị quyết về giao dịch dân sự về nhà ở xác lập trước ngày 1/7/1991).

Áp dụng Điều 3 phần thứ nhất của Thông tư số 104/1998/TT – BTC ngày 18/7/1998 của Bộ Tài Chính.

Áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên sau trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật phải giao trả toàn bộ căn nhà số HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H (theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận B lập ngày 05/10/2007) cho các đương sự gồm: Nguyên đơn bà Trương Ngọc Á; các bà Trương Hằng Ng, Trương Ngọc A (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các nguyên đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H); các ông bà Huỳnh Thị Mỹ H, Vũ Pho, Vũ Ph và trẻ Vũ P1 có mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ H làm giám hộ (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Vũ M).

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới cùng Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ giao trả căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H gồm:

1/ Hộ gia đình bà Trịnh Thị Minh Ph gồm:

Bà Trịnh Thị Minh Ph, ông Bùi Hồng H, bà Lê Hương J, trẻ Bùi Mi (có cha là Bùi Hồng H là giám hộ), ông Bùi Hồng H, bà Lê Nguyễn Thụy V, các trẻ Bùi Lê Bảo Ng, Bùi Lê Bảo Tr (có cha là Bùi Hồng H làm giám hộ).

2/ Hộ gia đình ông Hoàng Phúc Th1 gồm:

Ông Hoàng Phúc Th1, bà Vũ Thị Ng, ông Hoàng Mạnh T1.

3/ Hộ gia đình ông Hoàng Trung T1 gồm:

Ông Hoàng Trung T1, bà Thái Thị B7, ông Hoàng Thái S, ông Hoàng Thái H7.

4/ Hộ gia đình ông Hoàng Trung Thà gồm:

Ông Hoàng Trung Thà, bà Nguyễn Ngọc Thùy Tr, các trẻ Hoàng Minh Đ1 và Hoàng Khánh Ng (có cha là ông Hoàng Trung Thà làm giám hộ).

5/ Bà Đào Thị T.

6/ Bà Mai Thị Ng.

7/ Hộ gia đình ông Nguyễn Văn TrJ gồm:

Ông Nguyễn Văn TrJ, bà Phạm Thị Như Th1, ông Nguyễn Thành Tr, trẻ Nguyễn Nam Kh1 (có cha là ông Nguyễn Văn TrJ làm giám hộ).

8/ Hộ gia đình ông Trịnh Quốc C gồm:

Ông Trịnh Quốc C, bà Ngô Thị Kh, ông Trịnh Quốc ThJ, ông Trịnh Quốc C2.

9/ Hộ gia đình bà Lê Thị R gồm:

Bà Lê Thị R, bà Trần Thị Thanh S, ông Trần Đình H7, ông Trần Đình H2, bà Lê Thị Kim Y1, ông Phan Văn TJ, ông Lê Minh Đ1, bà Vũ Thị Tổ T, trẻ Lê Chí DX (có mẹ là Trần Thị T S làm giám hộ), các trẻ Trần Diễm Qu và Trần Quỳnh J (có cha là Trần Đình H7 làm người giám hộ).

10/ Hộ gia đình ông Bùi Xuân H1 gồm:

Ông Bùi Xuân H1, bà Phùng Kim O, ông Bùi Xuân H7, bà Phạm Thị B, trẻ Bùi Mạnh Tr (có mẹ là Bùi Kim O làm giám hộ).

11/ Bà Mai Thị H7.

12/ Hộ gia đình ông Lê Thư LY gồm:

Ông Lê Thư LY, bà Nguyễn Mỹ H, các trẻ Lê Anh M, Lê Hồng H2, Lê Quang M (có cha là Lê Thư LY làm giám hộ).

13/ Hộ gia đình ông Hà Đức M gồm:

Ông Hà Đức M, bà Lê Thị M2 và các trẻ Hà Minh Ng, Hà Anh Q (có cha là Hà Đức M làm giám hộ).

14/ Hộ gia đình ông Trần Kh1 Sơn gồm:

Ông Trần Khánh S, bà Phạm Thị Phương D, bà Trần Thị Quỳnh A.

15/ Hộ gia đình bà Đào Thị M gồm:

Bà Đào Thị M, ông Hà Hồng H7, bà Bùi Thị Nh và các trẻ Hà Quang L, Hà Quang M (có cha là ông Hà Hồng H7 làm giám hộ).

16/ Hộ gia đình ông Lê Quang Qu gồm:

Ông Lê Quang Qu, bà Nguyễn Thị Tuyết T và các trẻ Lê Như Ng, Lê Nguyên Phi X (có cha là ông Lê Quang Qu làm giám hộ).

17/ Bà Nguyễn Thị D.

18/ Hộ gia đình ông Nguyễn Đức K gồm:

Ông Nguyễn Đức K, bà Đặng Thị Hồng H, ông Nguyễn Đức Cường A, trẻ Nguyễn Đặng Phương A (có cha là Nguyễn Đức K làm người giám hộ).

19/ Hộ gia đình bà Đào Thị Hư gồm:

Bà Đào Thị Hư, ông Võ Văn Qu, ông Võ Văn DJ, ông Võ Văn H2 bà Trần Ngọc H và trẻ Võ Ngọc Hồng Đ2 (có cha là Trần Ngọc H2 làm giám hộ).

20/ Hộ gia đình bà Nguyễn Hà T gồm:

Bà Nguyễn Hà T, ông Võ Tr, ông Trần Bình An , ông Trần Bình Hà B, bà Võ Thanh Mỹ B, bà Nguyễn Thị Ng.

21/ Bà Võ Thị H2.

22/ Bà Giang Yến T.

23/ Ông Hoàng Mạnh T1 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Thương mại VQ.

24/ Công ty TNHH Xây dựng QH.

25/ Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ TH.

2/ Ghi nhận sự tự nguyện của cá nhân bà Trương Hằng Ng về việc tự nguyện hỗ trợ chi phí cải tạo, sửa chữa, xây dựng nhà và chi phí di dời ổn định chỗ ở cho các đương sự. Bà Trương Hằng Ng có trách nhiệm trả cho các đương sự các khoản tiền hỗ trợ cụ thể như sau:

2.1/ Hộ gia đình bà Trịnh Thị Minh Ph:

- Hoàn trả cho bà Trịnh Thị Minh Ph chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Trịnh Thị Minh Ph (gồm bà Trịnh Thị Minh Ph, ông Bùi Hồng H, bà Lê Hương J, ông Bùi Hồng H, bà Lê Nguyễn Thụy V, trẻ Bùi Mi có cha là Bùi Hồng H là giám hộ, các trẻ Bùi Lê Bảo Ng và Bùi Lê Bảo Tr có cha là Bùi Hồng H làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

2.2/ Hộ gia đình ông Hoàng Phúc Th:

- Hoàn trả cho ông Hoàng Phúc Th và bà Vũ Thị Ng chi phí sửa chữa xây dựng là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Hoàng Phúc Th (gồm các ông bà Hoàng Phúc Th, Vũ Thị Ng, Hoàng Mạnh T1) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.3/ Hộ gia đình ông Hoàng Trung Thà:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Hoàng Trung Thà bà Nguyễn Ngọc Thùy Tr 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng chi phí sửa chữa xây dựng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Hoàng Trung Thà (gồm ông Hoàng Trung Thà, bà Nguyễn Ngọc Thùy Tr, các trẻ Hoàng Minh Đ1 và Hàng Khánh Ng có cha là ông Hàng Trung Thà làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.4/ Bà Mai Thị Ng:

- Hoàn trả cho bà Mai Thị Ng chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho bà Mai Thị Ng chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. 5/ Hộ gia đình ông Nguyễn Văn TrJ:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Trịnh bà Phạm Thị Như Th1 chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn TrJ (gồm ông Nguyễn Văn TrJ, bà Phạm Thị Như Th1, ông Nguyễn Thành Tr, trẻ Nguyễn Nam Kh1 có cha là ông Nguyễn Văn TrJ làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.6/ Hộ gia đình ông Trịnh Quốc C6:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Trịnh Quốc C6 bà Ngô Thị Kho chi phí sửa chữa xây dựng là: 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Trịnh Quốc C6 (gồm các ông bà Trịnh Quốc C6, Ngô Thị Kho, Trịnh Quốc C2, Trịnh Quốc Tj) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.7/ Hộ gia đình bà Lê Thị R:

- Hoàn trả cho bà Lê Thị R chi phí sửa chữa xây dựng là: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Lê Thị R (gồm bà Lê Thị R, bà Trần Thị T S, ông Trần Đình H7, ông Trần Đình H2, bà Lê Thị Kim Ý, ông Phan Văn TJ, ông Lê Minh Đ1, bà Vũ Thị Tố T, trẻ Lê Chí Dx có mẹ là Trần Thị T S làm giám hộ, các trẻ Trần Diễm Qu và Trần Quỳnh Gi có cha là Trần Đình H làm người giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.8/ Hộ gia đình ông Bùi Xuân H1:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Bùi Xuân H1 bà Phùng Kim O chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Bùi Xuân H1 (gồm ông Bùi Xuân Hiếu, bà Phùng Kim O, ông Bùi Xuân H7, bà Phạm Thị B, trẻ Bùi Mạnh Tr có mẹ là Bùi Kim O làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.9/ Hộ gia đình ông Lê Thư Ly:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Thư Ly bà Nguyễn Mỹ H chi phí sửa chữa xây dựng là: 270.000.000 (Hai trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Lê Thư Ly (gồm ông Lê Thư Ly, bà Nguyễn Mỹ H, các trẻ Lê Anh M, Lê Hồng H2, Lê Quang M có cha là Lê Thư

Ly làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.10/ Hộ gia đình bà Đào Thị M:

- Hoàn trả cho bà Đào Thị M chi phí sửa chữa xây dựng là: 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Minh (gồm bà Đào Thị M, ông Hà Hồng H7, bà Bùi Thị Nh và các trẻ Hà Quang L, Hà Quang M có cha là ông Hà Hồng H7 làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.11/ Hộ gia đình ông Lê Quang Q:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Quang Q bà Nguyễn Thị Tuyết T chi phí sửa chữa xây dựng là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình ông Lê Quang Q (gồm ông Lê Quang Q, bà Nguyễn Thị Tuyết T và các trẻ Lê Như Ng, Lê Nguyên Phi X có cha là ông Lê Quang Q làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.12/ Bà Nguyễn Thị Du:

- Hoàn trả cho bà Du chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho bà Du chi phí di dời và ổn định địa điểm kinh doanh mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.13/ Hộ gia đình ông Nguyễn Đức K:

- Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Đức K bà Đặng Thị Hồng H chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ hộ gia đình ông Nguyễn Đức K (gồm ông Nguyễn Đức K, bà Đặng Thị Hồng H, ông Nguyễn Đức Cường A, trẻ Nguyễn Đăng Phương A có cha là Nguyễn Đức K làm người giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.14/ Hộ gia đình bà Đào Thị Hư:

- Hoàn trả cho bà Hư chi phí sửa chữa xây dựng là: 480.000.000 (Bốn trăm tám mươi triệu) đồng.

- Hỗ trợ cho hộ gia đình bà Đào Thị Hư (gồm bà Đào Thị Hư, ông Võ Văn Q, ông Võ Văn Dj, ông Võ Văn H2, bà Trần Ngọc H và trẻ Võ Ngọc Hồng Đ2 có cha là Trần Ngọc H2 làm giám hộ) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

2.15/ Hộ gia đình bà Nguyễn Hà T:

- Hoàn trả cho vợ chồng bà Nguyễn Hà T ông Võ Tr chi phí sửa chữa xây dựng là: 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

- Hỗ trợ hộ gia đình bà Nguyễn Hà T (gồm các ông bà Nguyễn Hà T, Võ Tr, Trần Bình An, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B, Nguyễn Thị Ng) chi phí di dời và ổn định chỗ ở mới là: 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Việc giao trả nhà và trả tiền được thực hiện cùng một lúc tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Hằng Ng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bà Ng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3/ Ngay khi căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B, Tp. H được giao trả thì “Giấy cho mượn nhà” lập năm 1978 (không đề ngày) ký kết giữa bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh với Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 chấm dứt hiệu lực.

4/ Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2006/ADBPKCTT ngày 21/7/2006 của Tòa án nhân dân quận B.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: có 14 người đại diện cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo gồm:

01/ Ngày 14/9/2016, bà Trịnh Thị Minh Ph, ông Bùi Hồng H, bà Lê Hương Gi, ông Bùi Hồng H, bà Lê Nguyễn Thụy V kháng cáo;

02/ Ngày 08/9/2016 ông Hoàng Phúc Th1 kháng cáo;

03/ Ngày 14/9/2016 bà Mai Thị Ng kháng cáo;

04/ Ngày 09/9/2016 ông Nguyễn Văn TrJ, bà Phạm Thị Như Th1 kháng cáo;

05/ Ngày 09/9/2016 ông Trịnh Quốc C6, bà Ngô Thị Kh, ông Trịnh Quốc C2 và ông Trịnh Quốc ThJ kháng cáo;

06/ Ngày 14/9/2016 bà Lê Thị R và các ông (bà) S, H2, Ý, TJ, Đ1, T có ông Trần Đình H7 đại diện kháng cáo;

07/ Ngày 08/9/2016 bà Phùng Kim O và ông Bùi Xuân H1, bà O đại diện kháng cáo;

08/ Ngày 10/9/2016 ông Lê Thư LY, đại diện Bà Nguyễn Mỹ H kháng cáo;

09/ Ngày 08/9/2016, bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh có ông Hà Hồng H7 đại diện kháng cáo;

10/ Ngày 14/9/2016, ông Lê Quang Qu và Nguyễn Thị Tuyết T kháng cáo;

11/ Ngày 14/9/2016, bà Nguyễn Thị D, bà D có bà Nguyễn Thị Thùy Tr đại diện kháng cáo;

12/ Ngày 14/9/2016, ông Nguyễn Đức K, các ông bà Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Đức Cường A có ông Nguyễn Đức K đại diện kháng cáo;

13/ Ngày 14/9/2016, bà Đào Thị Hư cùng các ông (bà) Võ Văn Qu, Võ Văn DJ, Võ Văn H2, Trần Ngọc H kháng cáo;

14/ Ngày 06/9/2016 ông Võ Tr cùng các ông bà Nguyễn Hà Th, Trần Bình An, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B kháng cáo.

Nội dung kháng cáo của các đương sự nêu trên cho rằng nhà và đất 443 HBT, phường T, Quận B, Thành phố HBT, năm 1978 xí nghiệp chế biến hạt điều đã mua của bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Nh, bên mua xí nghiệp chế biến hạt điều đã giao đủ số tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng, phía bên bán bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Nh đã ký giấy nhận tiền và không khiếu nại gì. Khoản tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng được xuất ra từ ngân sách nhà nước, thì hiện nay căn nhà đất 443 HBT, phường T, Quận B, Thành phố H thuộc tài sản nhà nước. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa đảm bảo tính khách, phiên diện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đương sự kháng cáo không rút đơn kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đương sự kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bác yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của Viện kiểm sát trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Từ khi thụ lý vụ và quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, sau khi xem xét đánh giá các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa đủ căn cứ kết luận: Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo của 14 người đại diện cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ y án sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

01/ Ngày 14/9/2016, bà Trịnh Thị Minh Ph, ông Bùi Hồng H, bà Lê Hương Gi, ông Bùi Hồng H, bà Lê Nguyễn Thụy V kháng cáo;

02/ Ngày 08/9/2016 ông Hoàng Phúc Th1 kháng cáo;

03/ Ngày 14/9/2016 bà Mai Thị Ng kháng cáo;

04/ Ngày 09/9/2016 ông Nguyễn Văn TrJ, bà Phạm Thị Như Th1 kháng cáo;

05/ Ngày 09/9/2016 ông Trịnh Quốc C6, bà Ngô Thị Kh, ông Trịnh Quốc C2 và ông Trịnh Quốc ThJ kháng cáo;

06/ Ngày 14/9/2016 bà Lê Thị R và các ông (bà) S, H2, Ý, TJ, Đ1, T có ông Trần Đình H7 đại diện kháng cáo;

07/ Ngày 08/9/2016, bà Phùng Kim O và ông Bùi Xuân H1, bà O đại diện kháng cáo;

08/ Ngày 10/9/2016 ông Lê Thư LY, đại diện Bà Nguyễn Mỹ H kháng cáo;

09/ Ngày 08/9/2016, bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh có ông Hà Hồng H7 đại diện kháng cáo;

10/ Ngày 14/9/2016, ông Lê Quang Qu và Nguyễn Thị Tuyết T kháng cáo;

11/ Ngày 14/9/2016, bà Nguyễn Thị D, bà D có bà Nguyễn Thị Thùy Tr đại diện kháng cáo;

12/ Ngày 14/9/2016, ông Nguyễn Đức K, các ông bà Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Đức Cường A có ông Nguyễn Đức K đại diện kháng cáo;

13/ Ngày 14/9/2016, bà Đào Thị H2 cùng các ông (bà) Võ Văn Qu, Võ Văn DJ, Võ Văn H2, Trần Ngọc H kháng cáo;

14/ Ngày 06/9/2016 ông Võ Tr cùng các ông bà Nguyễn Hà Th, Trần Bình An, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B kháng cáo.

Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn bà Trương Hằng Ng, bà Huỳnh Thị Mỹ H đại diện thừa kế quyền và nghĩa cho ông Vũ M, đại diện bị đơn Cty cổ phần chế biến hạt điều LLQ đã được tổng đặt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Các đương sự gồm: ông Hoàng Trung T1, bà Thái Thị B7, ông Hoàng Thái S, ông Hoàng Thái H7, ông Trần Đình H7, ông Trần Thanh

H2, bà Trần Thị T², bà Trần Thị Thanh N, ông Trần Thanh F, bà Trần Mỹ L, ông Bùi Xuân H7, bà Phạm Thị B, ông Hà Đức M, bà Lê Thị M2, các trẻ Hà Minh Ng, Hà Anh Qu (*có ông Hà Đức M làm giám hộ*), bà Phạm Thị Phương D, ông Trần Khánh Sơn, bà Trần Thị Quỳnh Anh, ông Vũ Nguyên H2 (*có ông Vũ Nguyên Ngọc Hà đại diện theo ủy quyền*), ông Phạm Đình Th, ông Đỗ Huy Hoàng, bà Võ Thị Hiền, bà Giang Yên Thanh, ông Hoàng Mạnh T1 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thương mại Vinh Quang, Công ty trách nhiệm hwxu hạn Thương mại dịch vụ TN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự

1/ Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

Căn cứ bằng khoán điền thổ số 439 Sài Gòn – Tân Định lập bộ ngày 29/3/1934 của Phủ Toàn Quyền Đông Dương – Phòng Sài Gòn và Trích sao điền thổ số 567/TS – TTĐK ngày 09/12/2013 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố H cấp.

Căn cứ nội dung trả trả lời xác minh của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Tp. H tại công văn số 14340/VPĐK – LT ngày 13/12/2013, xác định căn nhà 443 HBT, Phường T, Quận B có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị TR.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đồng thừa kế xác định: Bà Đặng Thị Tr sinh năm 1891 (*chết năm 1977*) có chồng là Nguyễn Văn B7 sinh năm 1886 (*chết năm 1956*), bà Tr và ông B7 chết đều không để lại di chúc. Bà Tr và ông B7 có 04 người con là Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Trư (*chết 1978*). Như vậy hàng thừa kế thứ nhất của bà Tr và ông B7 tính đến thời điểm 1978 còn bà Nh, bà C, bà H.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, năm 1978 xí nghiệp Chế biến hạt điều thuộc viện Khoa học Lâm sản Việt Nam được thành lập, trước đó là chi nhánh Lâm đặc sản xuất khẩu 3 thuộc Bộ Lâm nghiệp. Do mới thành lập nên cơ sở vật chất còn túng thiếu Ban giám đốc xí nghiệp họp bàn có tham dự của cấp ủy, công đoàn xin ý kiến Bộ Lâm nghiệp, được Bộ nhất trí lấy kinh phí nhà nước mua nhà đất 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H làm văn phòng làm việc cho xí nghiệp. Nhưng do thời điểm năm 1978 mới giải phóng, nhà nước cũng như thành phố chưa có văn bản quy định cụ thể về việc mua bán nhà giữa nhà nước và tư nhân. Để bắt tay vào hoạt động sản xuất biết căn nhà hư hỏng bỏ không số 443 HBT, Phường T, Quận B, muốn bán. Phía chủ nhà bà

Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đang thất nghiệp muốn có việc làm. Xí nghiệp bàn bạc với bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H (lúc đó bà Nguyễn Thị Trư đã chết), các đồng sở hữu thống nhất bán căn nhà trên với giá 4.500đ với điều kiện bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H được vào làm việc trong xí nghiệp. Xí nghiệp đang cần văn phòng làm việc, phía chủ nhà muốn bán nhà và có công việc làm, sau khi bàn bạc về việc mua bán nhà và nhận bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H vào xí nghiệp làm việc và thống nhất hai bên lập giấy “cho mượn nhà” có thỏa thuận: “Chúng tôi (Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nh) là thừa kế sở hữu chủ số nhà 443 HBT ...Ngôi nhà này hiện đã dột nát hư hỏng nặng, chúng tôi không có khả năng và điều kiện sửa chữa...Nay chúng tôi thỏa thuận cho Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 mượn sử dụng làm việc và sản xuất với điều kiện sau:...Khi nào Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 không sử dụng nữa thì phải trả lại cho ba chị em chúng tôi”. Cùng với giấy mượn nhà hai bên ký giấy nhận tiền ngày 16/12/1978, bà C, bà H, bà Nh ký tên nhận đủ số tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng và đã bàn giao nhà cho bên mua là Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Xí nghiệp chế biến hạt điều nay được đổi thành Công ty cổ phần chế biến hạt điều Lạc Long Quân trả nhà số HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H.

Bị đơn cho rằng Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 trực thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt nam thuộc Bộ Lâm nghiệp đã mua nhà số HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H của đồng sở hữu là bà C, bà H, bà Nh, vào ngày 16/12/1978. Bên bán đã nhận đủ tiền bên mua đã nhận và sử dụng nhà. Tiền mua nhà là nguồn tiền lấy từ ngân sách nhà nước.

Sau khi xử sơ thẩm, 14 người đại diện cho 17 hộ dân đang sinh sống tại nhà số 443 HBT kháng cáo tiếp tục cho rằng nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 trực thuộc Viện khoa học Lâm nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Lâm nghiệp đã mua của đồng sở hữu là bà C, bà H, bà Nh, vào ngày 16/12/1978, bên bán đã nhận đủ tiền bên mua đã tiếp nhận sử dụng nhà. Đây tài sản của nhà nước đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn. Công nhận hợp đồng mua bán nhà giữa Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 với bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đối với nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H, công nhận đây là tài sản của nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào thời gian ghi trên giấy nhận tiền có chữ ký của bà C, bà Huệ, bà Nh, vào ngày 16/12/1978, Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3 và bà C, bà H, bà Nh có ký 02 văn bản là “giấy cho mượn nhà” và “giấy nhận tiền” các bên đều thừa nhận và có thật.

Nguyên đơn cho rằng, nguyên đơn chỉ cho mượn nhà nay yêu cầu được lấy lại, còn khoản tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng là do xí nghiệp trợ cấp đi dờ nhưng không có tài liệu nào chứng minh xí nghiệp trợ giúp.

Xét: trong giấy cho mượn nhà ghi: nhà 443 HBT ngôi nhà này hiện đã dột nát hư hỏng nặng, chúng tôi không có khả năng và điều kiện sửa chữa nhà. Nhà xây dựng đã lâu kèo cây mái ngói dột nát hư hỏng nặng không có khả năng sử dụng, vào thời điểm vừa mới giải phóng giá nhà đất tại thành phố H rất rẻ, đất chưa có giá trị như bây giờ, số tiền 4.500đ năm 1978 rất lớn. theo công văn trả lời số 11987/ STC-BVG ngày 26/11/2013 của Sở tài chánh tp. H, số tiền 4.500đ vào thời điểm năm 1978 tương giá trị 1.005 tấn gạo trắng, một lượng gạo rất lớn so với năm 1978.

Sau khi mua nhà, xí nghiệp Lâm đặc sản xuất khẩu đã xin Bộ Lâm nghiệp cấp kinh phí và ngày 17/3/1979 sở quản lý nhà Thành phố H cấp phép được sửa chữa lại toàn bộ căn nhà trên. Sử dụng được một thời gian do không có nhu cầu làm văn phòng cho xí nghiệp. Hơn nữa đời sống của cán bộ công nhân viên chức xí nghiệp gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là chỗ ở, để tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên chức có chỗ ở ổn định an tâm công tác, Ban giám đốc xí nghiệp đã ra quyết định cấp cho 17 hộ là CBVN đang công tác trong xí nghiệp gặp khó khăn về nhà ở. Trong quá trình sửa chữa, và quyết định cấp cho cán bộ công nhân viên chức sử dụng, nguyên đơn cũng không khiếu nại gì. Sự việc xảy ra khi nhà đất biến động tăng cao, do lòng tham nên xảy ra vụ án tranh chấp đòi tài sản.

Sự việc mua căn nhà 443 HBT xí nghiệp Lâm đặc sản xuất khẩu được sự thống nhất của Bộ Lâm nghiệp cơ quan chủ khoản, có xác nhận của ông Võ Văn Tí và bà Nguyễn Vinh V nguyên là bí thư chi bộ, chủ tịch phường B.

Tại công văn số 2067/TCKT, ngày 09/6/2003 gửi Công ty cổ phần chế biến hạt điều LLQ và công văn số 5587/BNN – ĐMDN ngày 29/11/2013 gửi Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (trước là Bộ Lâm nghiệp) chỉ đạo Cty CP chế biến hạt điều LLQ và báo cho Tòa án nhân dân Quận B biết nhà đất 443 HBT, Quận B danh nghiệp có trách nhiệm tập hợp hồ sơ làm thủ tục chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện

hành. Qua đó thể hiện Bộ cũng xác nhận nhà đất 443 HBT, Phường T, Quận B xí nghiệp Lâm đặc sản xuất khẩu mua bán đã hoàn tất là tài sản của nhà nước.

Từ những chứng cứ nêu trên, có cơ sở xác định, ngày 16/12/1978 xí nghiệp Lâm đặc sản xuất khẩu 3 đã trưng mua căn nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H, đây là hợp đồng mua bán nhà giữa bên mua là Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3, thuộc bộ lâm nghiệp với bên bán là bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đối với nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H bằng nguồn tiền ngân sách nhà nước với số tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng. Bên mua đã thanh toán tiền bên bán đã nhận đủ tiền, thời gian sử dụng gần 40 năm. Những hộ được cấp nhà ở đây đã có cuộc sống ổn định, ngoài chỗ ở này không có chỗ ở nào khác. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa xem xét khách quan đầy đủ các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ và những thay đổi của từng thời kỳ lịch sử về chính sách của nhà nước. Kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cho rằng nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H, ngày 16/12/1978 xí nghiệp Lâm đặc sản xuất khẩu 3 đã dùng nguồn tiền ngân sách nhà nước trưng mua căn nhà trên với số tiền 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng, xác định nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H là tài sản của nhà nước là có căn cứ nghĩ nên chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát bác kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan sửa án sơ thẩm như nhận định trên.

Về án phí:

Vụ án này đã được tòa án thụ lý từ ngày 29/05/2001 vì vậy nghĩ cần áp dụng Nghị định 70/CP của Chính phủ quy định về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết về phần án phí là phù hợp. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng, đã nộp theo biên lai thu tiền số 038496 ngày 28/5/2001 của Thi hành án dân sự Quận B.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên 14 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn tiền tạm ứng án phí cho các đương sự theo luật định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 5; khoản 1 Điều 15 Nghị quyết 58/1998/NQ – UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01/7/1991.

Áp dụng Điều 6 (đối với nhà đất mà nhà nước đã trưng mua) theo Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của 14 người đại diện của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm dân sự số: 28/2015/DS-ST ngày 03/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận B.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Chế biến Hạt Điều LLQ và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao trả toàn bộ căn nhà số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H (*theo bản vẽ hiện trạng do Công ty Dịch vụ Công ích Quận 3 lập ngày 05/10/2007*) cho các đương sự gồm : Nguyên đơn bà Trương Ngọc Á; các bà Trương Hằng N, Trương Ngọc A (*là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của các nguyên đơn Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H*); các ông bà Huỳnh Thị Mỹ H, Vũ Ph, Vũ Ph và trẻ Vũ Ph có mẹ là bà Huỳnh Thị Mỹ H làm giám hộ (*là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Vũ M*).

2/ Công nhận hợp đồng mua bán nhà ngày 16/12/1978 được ký kết giữa bên mua là Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3, thuộc bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn) với bên bán là bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đối với nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H với giá 4.500 (Bốn nghìn năm trăm) đồng. Bên bán bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ tiền và đã giao nhà cho bên mua Chi nhánh Lâm đặc sản Xuất khẩu 3, thuộc bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn).

3/ Xác nhận nhà đất số 443 HBT, Phường T, Quận B, Thành phố H. Là tài sản của nhà nước; tạm giao cho 17 hộ đang cư trú tại đây quản lý sử dụng, giữ nguyên hiện trạng và liên hệ với cơ quan chức năng để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4/ Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2006/ADBPCKTT ngày 21/7/2006 của Tòa án nhân dân Quận B.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn có đại diện là bà Trương Hằng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.000 (Năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ biên lai thu tiền số 038496 ngày 28/5/2001 của Thi hành án dân sự Quận B.

6/Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho 14 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo mỗi người 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, bao gồm:

- Bà Trịnh Thị Minh Ph theo biên lai thu số: 09638, 09639, 09640, 09641, 09642 ngày 16/9/2015 đại diện ông Bùi Hồng H, bà Lê Hương Gi, ông Bùi Hồng H, bà Lê Nguyễn Thụy V.

- Ông Hoàng Phúc Th1 biên lai thu số: 09648 ngày 18/9/2015.

- Bà Mai Thị Ng biên lai thu số: 09643 ngày 16/9/2015.

- Ông Nguyễn Văn TrJ biên lai thu số: 09618 ngày 11/9/2015; bà Phạm Thị Như Th1, biên lai thu số: 09617 ngày 11/9/2015

- Ông Trịnh Quốc C6 biên lai thu số: 09605 ngày 09/9/2015, bà Ngô Thị Kh biên lai thu số: 09606 ngày 09/9/2015, ông Trịnh Quốc C2 biên lai thu số: 09607 ngày 09/9/2015, ông Trịnh Quốc ThJ biên lai thu số: 09608 ngày 09/9/2015.

- Bà Lê Thị R, có ông Trần Đình H7 đại diện cho S, H, Ý, TJ, Đ1, Tâm nộp các biên lai thu số sau: 09630, 09631, 09632, 09633, 09634, 09635, 09636, 09637 ngày 16/9/2015.

- Bà Phùng Kim O, biên lai thu số sau: 09626 ngày 15/9/2015.

- Bà Lê Thư L, biên lai thu số: 09619 ngày 14/9/2015 .

- Bà Nguyễn Mỹ H biên lai thu số: 09620 ngày 14/9/2015.

- Bà Đào Thị M, Bùi Thị Nh có ông Hà H Hải đại diện nộp các biên lai thu số: 09644, 09645, 09646 ngày 16/9/2015 .

- Ông Lê Quang Qu biên lai thu số: 09624 ngày 15/9/2015 .

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Th biên lai thu số: 09625 ngày 15/9/2015.

- Bà Nguyễn Thị Du, có đại diện bà Du có bà Nguyễn Thị Thùy Tr nộp biên lai thu số: 09621 ngày 14/9/2015.

- Ông Nguyễn Đức K, các ông bà Đặng Thị Hồng H, Nguyễn Đức Cường A có ông Nguyễn Đức K nộp các biên lai thu số sau: 09627, 09628, 09629 ngày 16/9/2015.

- Bà Đào Thị Hư biên lai thu số: 09622, ngày 14/9/2015.

- Bà Nguyễn Hà T đại diện cho Trần Bình An, Trần Bình Hà B, Võ Thanh Mỹ B nộp các biên lai thu số sau: 09612, 09613, 09614, 09615, 09616, 09611 ngày 09/9/2015, của Thi hành án dân sự Quận B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đắc Phú Trần Thị Quỳnh Châu

Lê Văn Nga